

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	9
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	26
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, quản lý tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	36
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	39
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	40
Mở đầu	40
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	40
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	42
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	45
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	47

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân trường	48
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	50
Tiêu chí 3.3: Khối phòng quản trị - hành chính	53
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	55
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	57
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	60
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	62
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	62
Mở đầu	62
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	63
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	65
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	67
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	68
Mở đầu	68
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	69
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	67
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	75
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	77
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	79
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	80
Phần IV. DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG	82

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1.	BCH	Ban chấp hành
2.	BGD	Bộ giáo dục
3.	BGH	Ban giám hiệu
4.	CBCC,VC,NLĐ	Cán bộ công chức, viên chức, người lao động
5.	CBGVNV	Cán bộ giáo viên nhân viên
6.	CMHS	Cha mẹ học sinh
7.	CNTT	Công nghệ thông tin
8.	CSGD	Chăm sóc giáo dục
9.	CSVC	Cơ sở vật chất
10.	ĐCSVN	Đảng cộng sản Việt Nam
11.	GD	Giáo dục
12.	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
13.	GDMN	Giáo dục mầm non
14.	GV	Giáo viên
15.	HĐND	Hội đồng nhân dân
16.	LHPN	Liên hiệp phụ nữ
17.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
18.	PCTNTT	Phòng chống tai nạn thương tích
19.	SDD	Suy dinh dưỡng
20.	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
21.	TĐG	Tự đánh giá
22.	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
23.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
24.	TTND	Thanh tra nhân dân
25.	UBND	Ủy ban nhân dân
26.	VHTT	Văn hóa thể thao
27.	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	Không đạt	x
Tiêu chí 1.6		x	x	Không đạt
Tiêu chí 1.7		x	x	-
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.2		x	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 3.3		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.4		x	Không đạt	Không đạt
Tiêu chí 3.5		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.6		x	x	-
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x

Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 1

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4: Không có

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường mầm non Hòa Bình

Cơ quan chủ quản: UBND Quận Hà Đông

Thành phố	Hà Nội	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Luyện
Quận	Hà Đông	Điện thoại	0862333966
Phường	Yên Nghĩa	Fax	Không
Đạt CQG		Website	mnhoabinh.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2018	Số điểm trường	Không
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2024 - 2025
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01
Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	02
Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi	3
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	3
Cộng	09

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2024 -2025	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	09	
1	Phòng kiên cố	09	
2	Phòng bán kiên cố	0	
3	Phòng tạm	0	

TT	Số liệu	Năm học 2024 -2025	Ghi chú
II	Khối phòng phục vụ học tập	01	
1	Phòng kiên cố	01	
2	Phòng bán kiên cố	0	
3	Phòng tạm	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	04	
1	Phòng kiên cố	04	
2	Phòng bán kiên cố	0	
3	Phòng tạm	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	03	
	Cộng	17	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	18	18	01	0	0	18	
Nhân viên	09	09	01	02	02	05	
Cộng	30	29	02	02	02	26	

b) Số liệu năm học 2024-2025

TT	Số liệu	Năm học 2024-2025
1	Tổng số giáo viên	18
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	17 trẻ/gv
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0
4	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	22,3 trẻ/gv
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0

TT	Số liệu	Năm học 2024-2025
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0
...	Các số liệu khác (nếu có)	0

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2024-2025	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	390	
	- Nữ	180	
	- Dân tộc thiểu số	0	
2	Đối tượng chính sách	0	
3	Khuyết tật	0	
4	Tuyển mới	133	
5	Học 2 buổi/ngày	390	
6	Bán trú	390	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	43.3	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	34 trẻ/ nhóm	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	34 trẻ/ nhóm	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	48 trẻ/ lớp	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	40 trẻ/ lớp	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	46,6 trẻ/ lớp	
...	Các số liệu khác (nếu có)	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Hòa Bình – Quận Hà Đông được thành lập theo quyết định 1957/QĐ – UBND, ngày 16 tháng 5 năm 2018 dưới sự quản lý của Phòng GD & ĐT Quận Hà Đông .

Trường mầm non Hòa Bình nằm tại tổ dân phố 14 – Phường Yên Nghĩa – Quận Hà Đông – Thành Phố Hà Nội, với diện tích 2.174m², có một điểm trường gồm 09 nhóm lớp với 390 trẻ. Số cán bộ giáo viên nhân viên (CBGVNV) là 30 đồng chí (tính cả bảo vệ - tạp vụ), trong đó đội ngũ CBGV đạt trình độ trên chuẩn 100% và nhân viên đạt chuẩn là 77.8 %.

Nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động được huy động từ nguồn ngân sách nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương, chi thường xuyên của đơn vị được quản lý đúng quy định của nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hàng tháng cho người lao động.

Từ khi được thành lập đến nay, nhà trường đã triển khai đầy đủ, có chất lượng các hoạt động của ngành, nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội.

Để đảm bảo chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, nhà trường bám sát theo sự chỉ đạo của Đảng, nhà nước trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT thành phố Hà Nội, phòng GD &ĐT quận Hà Đông để tiến hành tự đánh giá chất lượng theo đúng các tiêu chuẩn của cấp học mầm non.

*** Về cơ sở vật chất:** Trường có một điểm trường với tổng diện tích đất là 2.174m²; diện tích sàn xây dựng 2.360m²; xây 02 tầng, nhà trường có tổng số 09 phòng học. Năm học 2024-2025, sử dụng 09 phòng, với tổng số trẻ là 390 cháu, có đầy đủ các phòng phục vụ cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ theo đúng các yêu cầu của ngành.

Hàng năm nhà trường đã mua sắm bổ sung một số trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục của cô và trẻ.

*** Về đội ngũ:** Tổng số CBGVNV là 30 người

Trong đó: - Ban giám hiệu: 03 người trình độ Đại học: 03=100%;

- 01 đ/c hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ đạt 33,3%

- Giáo viên: 18 người, trong đó trình độ Đại học: 18 = 100%,

- Nhân viên: 09 người. Trình độ Đại học: 01, Cao đẳng: 04, Trung cấp: 02; Sơ cấp: 02

Đội ngũ CBGVNV nhà trường luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm trong công việc, không ngừng tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Ban giám hiệu luôn phối hợp chặt chẽ với gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động được huy động từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương, chi thường xuyên của đơn vị được

quản lý đúng quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hàng tháng cho người lao động. Từ nguồn thu học phí (*được thu đúng, đủ và đảm bảo nguyên tắc tài chính*).

*** Về chăm sóc, nuôi dưỡng:**

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát phát hiện các yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ, phòng chống tai nạn thương tích, bạo hành trẻ.
- Thực hiện tốt việc quản lý chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong trường học theo đúng quy định.
- Bếp ăn đủ điều kiện, có đầy đủ hồ sơ theo quy định.
- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn cho trẻ cân đối, đảm bảo các chất dinh dưỡng cho trẻ.
- Không để xảy ra mất an toàn của trẻ, ngộ độc thực phẩm.
- Lựa chọn đơn vị cung ứng thực phẩm có đầy đủ cơ sở pháp lý
- Phối kết hợp phụ huynh trong công tác chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại trường, kiểm tra giám sát thực hiện quy định đảm bảo an toàn thực phẩm tại bếp ăn bán trú của trường.
- Hàng năm tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ cuối năm so với đầu năm đều giảm

*** Về chất lượng giáo dục:**

Nhà trường đã triển khai đầy đủ, có chất lượng các hoạt động của ngành, nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội.

Năm học 2024 - 2025, trường có 01 giáo viên đạt giải Nhì Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp quận, 02 nhân viên nuôi dưỡng đạt giải 03 Hội thi nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp quận.

Từ khi được thành lập đến nay, nhà trường đã triển khai đầy đủ, có chất lượng các hoạt động của ngành, của địa phương, nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội, 05 năm liên tục nhà trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Nhà trường được công nhận danh hiệu “Đơn vị đạt chuẩn văn hoá” vào năm 2021.

Để đảm bảo chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, nhà trường liên tục tổ chức các hoạt động bám sát theo sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước trên cơ sở các văn bản hướng dẫn, sự chỉ đạo của BGD, Sở GD&ĐT Thành phố Hà Nội, phòng GD&ĐT quận Hà Đông để tiến hành TĐG chất lượng theo đúng các tiêu chuẩn của cấp học mầm non. Đây là quá trình nhà trường tự xem xét, đánh giá thực trạng giáo dục của đơn vị mình với mục đích thông qua việc TĐG để xác định cấp độ chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường, công khai chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường với các cơ quan chức năng và xã hội.

2. Mục đích TĐG

Mục đích tự đánh giá: xem xét, đánh giá thực trạng giáo dục của đơn vị để xác định cấp độ chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường và công khai chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường với các cơ quan chức năng và xã hội.

Xác định trường mầm non đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường mầm non đạt kiểm định Chất lượng giáo dục.

Thông qua kết quả TĐG, từ những điểm mạnh, điểm yếu nhà trường có biện pháp cải tiến, khắc phục cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo đáp ứng với các tiêu chuẩn chất lượng đã quy định.

Huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

BGH nhà trường đã triển khai công tác TĐG chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn của cấp học mầm non đúng quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non, được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non theo 7 bước sau:

1. Thành lập Hội đồng TĐG.
2. Lập kế hoạch TĐG.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo TĐG.
6. Công bố báo cáo TĐG.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, Hiệu trưởng nhà trường đã ra Quyết định số /QĐ-MNHB về việc kiện toàn Hội đồng TĐG chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD & ĐT gồm 11 thành viên. Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng đã lên kế hoạch làm việc thời gian khoảng 03 tháng.

Trong quá trình thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường, hội đồng tự đánh giá đã tiến hành mô tả, phân tích, đánh giá hiện trạng của nhà trường theo từng tiêu chí của các tiêu chuẩn thấy được những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật của nhà trường trong việc đáp ứng các yêu cầu và điều kiện của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn.

Hội đồng TĐG đã triển khai các cuộc họp để thống nhất quy trình công tác TĐG chất lượng giáo dục và phân công nhiệm vụ tới từng thành viên: gồm 5 nhóm, mỗi nhóm 01 tiêu chuẩn gồm 2-3 thành viên, các nhóm được phân công thu thập tài liệu nghiên cứu đánh giá, và nhóm thư ký viết báo cáo. Hội đồng TĐG đã xây dựng kế hoạch thực hiện cho 07 tuần (không tính ngày nghỉ, lễ) cụ thể như sau:

Thời gian	Nội dung hoạt động
-----------	--------------------

Tuần 1 (Từ 03/2-08/2/2025)	- Hợp Ban giám hiệu nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động TĐG - Ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. - Hợp Hội đồng TĐG để: + Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; + Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; + Dự thảo và ban hành Kế hoạch TĐG. - Phổ biến Kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.
Tuần 2 (Từ 10//02-15/02/2025)	- Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ TĐG cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường. - Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.
Tuần 3-4 (Từ 17/02-31/02/2025)	- Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: + Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2); + Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. - Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng. - Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.
Tuần 5-6 (Từ 03/3-15/03/2025)	- Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3-5).
	- Hợp hội đồng TĐG để: + Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG (nếu có); + Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; + Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng); + Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có); + Dự thảo báo cáo TĐG.
Tuần 7 (Từ 17/03-22/03/2025)	- Hợp Hội đồng TĐG để: - Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG và các nội dung liên quan (nếu có); - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung;

	- Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG sau khi có các ý kiến góp ý; - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng - Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường). - Lưu trữ báo cáo TĐG, các minh chứng và các tài liệu liên quan theo quy định. - Tổ chức thực hiện các kế hoạch cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.
--	---

Để báo cáo TĐG đảm bảo chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng TĐG đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường, sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan.

Sau khi tự đánh giá thấy được những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật của nhà trường trong việc đáp ứng những yêu cầu của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn, từ đó BGH nhà trường có kế hoạch cụ thể cho việc cải tiến chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường. Đồng thời cũng qua kết quả tự đánh giá từng tiêu chí, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng GD trong từng thời điểm và trong chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng GD của nhà trường, đề xuất những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng GD của nhà trường trong từng giai đoạn, cũng như qua đó tiến hành điều chỉnh các hoạt động, công tác quản lý phù hợp với thực tế với yêu cầu của ngành và xã hội, tích cực cải tiến, nâng cao chất lượng GD.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại mục tiêu GD; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của phường Yên Nghĩa. Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định theo Điều lệ trường mầm non, thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường mầm non, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những quy định của địa phương, thực hiện nghiêm túc Quy chế chuyên môn, Quy chế nuôi dạy trẻ của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, tập trung xây dựng nề nếp, hưởng ứng mạnh mẽ những phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động.

Các hoạt động của nhà trường luôn đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, làm tốt công tác thi đua khen thưởng đối với CBGVNV và học sinh, đảm bảo chính xác, công bằng, công khai.

Các hoạt động lễ hội, phong trào thi đua, an toàn trường học luôn được nhà trường quan tâm, tổ chức đạt kết quả tốt. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng đội

ngũ để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục tại nhà trường và tìm ra những cá nhân tiêu biểu, có khả năng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đưa vào diện bồi dưỡng, quy hoạch. Đảm bảo an toàn trường học, không để xảy ra bạo lực học đường hay các tệ nạn xã hội trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường mầm non Hòa Bình đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn từ năm 2021-2025. Phương hướng chiến lược của nhà trường đã đưa ra (sứ mệnh, tầm nhìn, chỉ tiêu, giải pháp) giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách giúp trẻ có tâm thế vững vàng để bước vào lớp Một. Phương hướng chiến lược phù hợp với điều kiện tài chính, CSVC của nhà trường và phù hợp với mục tiêu GDMN của Luật GD (Điều 2 Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 06 năm 2019); phù hợp với Kế hoạch 06/KH-UBND giai đoạn 2021-2025); phù hợp với Đề án số 03/ĐA-QU của Quận Ủy Hà Đông ngày 9/11/2020 giai đoạn 2020-2025; [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn; 2021-2025 được xác định bằng văn bản, bố cục rõ ràng, mạch lạc và được Lãnh đạo UBND phường Yên Nghĩa ký xác nhận ngày 06 tháng 09 năm 2021 [H1-1.1-01].

Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhà trường đã công bố công khai “Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển trường mầm non Hòa Bình giai đoạn 2021-2025” tới toàn thể CBGVNV và phụ huynh học sinh bằng hình thức niêm yết tại bảng tin của trường, công khai trong Hội nghị CBCC,VC, NLĐ và được đăng tải trên trang website của nhà trường. [H1-1.1-03].

Mức 2:

Trong những năm qua trường mầm non Hòa Bình đã có giải pháp giám sát thực hiện chiến lược và phát triển: nhà trường tạo điều kiện thuận lợi (điều kiện làm việc, thời gian làm việc) cho Hội đồng trường nhằm thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của Hội đồng trường nhất là chức năng giám sát các hoạt động của Hội đồng trường. Hội đồng trường thành lập 01 tổ công tác giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và có đánh giá báo cáo vào các phiên họp định kỳ của Hội đồng trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]. Nhà trường thường xuyên cập nhật thông tin về phát triển kinh tế xã hội của địa phương để bổ sung điều chỉnh mục tiêu phương hướng chiến lược cũng như đưa ra các giải pháp cho phù hợp với thực tiễn phát triển của nhà trường giai đoạn 2021-2025 [H1-1.1-07].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ tiến hành rà soát việc thực hiện phương hướng chiến lược đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại và phân tích những nguyên nhân, lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng để từ đó bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cho sát với điều kiện thực tế theo từng giai đoạn [H1-1.1-08]; [H1-1.1-09].

Phương hướng chiến lược nhà trường được bộ phận văn thư lưu trữ nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện, hằng năm căn cứ kết quả đánh giá tiến hành họp các thành phần để rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược phù hợp. Việc tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược phát triển được nhà trường thực hiện công khai dân chủ và bằng trí tuệ của cả một tập thể nhà trường, có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng. Ban soạn thảo “Phương hướng, chiến lược, xây dựng và phát triển trường mầm non Hòa Bình giai đoạn 2021-2025” gồm có các đồng chí trong Hội đồng trường và đại diện CMHS.

2. Điểm mạnh:

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 đã xác định rõ sứ mệnh, tầm nhìn, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện cụ thể để thực hiện nhiệm vụ CSGD trẻ phù hợp với định hướng kinh tế-xã hội của địa phương và các nguồn lực của nhà trường. Nhà trường định kỳ giám sát, bổ sung, điều chỉnh Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với từng giai đoạn và điều kiện thực tế của nhà trường. Phương hướng chiến lược, phát triển của nhà trường được phổ biến rộng rãi đến 100% CBGVNV và phụ huynh bằng hình thức đăng tải trên trang Website của nhà trường, thông qua trước hội nghị CBGVNV, gửi về từng nhóm lớp, tuyên truyền tại bảng tin nhà trường và được bộ phận văn thư lưu trữ nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện, hằng năm căn cứ kết quả đánh giá tiến hành họp các thành phần để rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược phù hợp.

3. Điểm yếu:

- Các chỉ tiêu về số liệu các năm khi xây dựng chiến lược so với thời điểm hiện tại là không phù hợp

Nhà trường chưa có giải pháp cụ thể để tạo các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
- Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường trong năm học 2025-2026 phù hợp với mục tiêu chiến lược, tình hình kinh tế-xã hội của phường Yên Nghĩa và quận Hà Đông.	BGH nhà trường	Năm học 2025-2026	- Nhà trường sẽ tiến hành bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường trong năm học 2025-2026 phù hợp với mục tiêu chiến lược, tình hình kinh tế-xã hội của phường Yên Nghĩa và quận Hà Đông.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

7b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường của Trường mầm non Hòa Bình được kiện toàn theo Quyết định số 194/QĐ-PGD&ĐT ngày 16/9/2024 của Phòng GD&ĐT quận Hà Đông gồm có 11 đồng chí là Chi bộ Đảng, đại diện UBND phường Yên Nghĩa, BGH, đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn TNCSHCM, Trưởng ban TTND, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng, đại diện phụ huynh và lãnh đạo địa phương. Hội đồng trường có 01 đồng chí Chủ tịch (Hiệu trưởng nhà trường) do các thành viên hội đồng trường bầu ra, 01 thư ký và các thành viên khác [H1-1.2-01]. Ngoài ra, nhà trường còn có các Hội đồng như: Hội đồng tuyển sinh của nhà trường được thành lập hằng năm theo quyết định của Trưởng phòng GD&ĐT; Hội đồng tự đánh giá do Hiệu trưởng ra

quyết định; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm thi GV giỏi; Hội đồng chấm SKKN. Hằng năm, căn cứ theo nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT quận Hà Đông, Hiệu trưởng nhà trường ban hành Quyết định thành lập các Hội đồng nhằm thực hiện nhiệm vụ theo từng giai đoạn. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập vào đầu năm học. Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng và các thành viên của hội đồng gồm: Phó hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TNCSHCM, tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng. Các Hội đồng khác bao gồm: Hội đồng chấm thi, Hội đồng chấm SKKN đều gồm có 01 Chủ tịch Hội đồng, 01 phó Chủ tịch, 01 thư ký và các ủy viên là các tổ trưởng chuyên môn [H1-1.2-02].

Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 trong Điều lệ trường mầm non (Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ Trường mầm non). Hội đồng trường mỗi năm họp ít nhất 3 lần/năm học để thống nhất nội dung kế hoạch, phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường; giám sát quá trình thực hiện kế hoạch, phương hướng, chiến lược; phân công nhân sự; quản lý tài sản, tài chính; thực hiện quy chế dân chủ và tham gia giới thiệu bổ nhiệm khi được cấp trên yêu cầu, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung soạn thảo phương hướng chiến lược phát triển nhà trường phù hợp theo sự chỉ đạo và điều kiện thực tế của đơn vị hằng năm [H1-1.2-03]. Các hội đồng khác có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện các hoạt động theo nhiệm vụ riêng của từng Hội đồng như: Hội đồng thi đua khen thưởng có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CBGVNV, học sinh trong nhà trường [H1-1.2-04]; Hội đồng chấm SKKN giúp nhà trường triển khai, hướng dẫn CBGVNV viết sáng kiến, tổ chức chấm SKKN và phổ biến SKKN [H1-1.2-05]; Hội đồng tuyển sinh căn cứ số liệu điều tra trẻ tham mưu giúp Hiệu trưởng xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, đề xuất tuyển sinh phù hợp với địa bàn và điều kiện của nhà trường [H1-1.2-06]. Hội đồng chấm thi thiết kế bài giảng Elearning và sản phẩm CNTT. [H1-1.2-07].

Nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá các hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình nhằm giúp nhà trường thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra [H1-1.1-05]. Tuy nhiên đôi lúc công tác rà soát, đánh giá của nhà trường đối với hoạt động của các Hội đồng còn chưa đúng thời gian theo kế hoạch đã đề ra.

Mức 2:

Các hoạt động của các hội đồng trong nhà trường đều thiết thực, hiệu quả, có kế hoạch cụ thể và đảm bảo đúng chức năng nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như:

Hội đồng trường đã đưa ra các chỉ tiêu, phương hướng về thực hiện nhiệm vụ năm học, chiến lược phát triển nhà trường theo từng giai đoạn [H1-1.2-08]; [H1-1.1-04]. Hội đồng thi đua khen thưởng đã kịp thời động viên, khuyến khích các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua nhằm phát huy tính tích cực, tìm tòi sáng tạo của CBGVNV trong công tác CSGD trẻ [H1-1.2-09]; [H1-1.2-10]. Hội đồng chấm SKKN đã chấm và lựa chọn các sáng kiến có tính sáng tạo, đã ứng dụng hiệu quả tại đơn vị trình cấp trên xem xét khen thưởng và phổ biến tới tập thể CBGVNV toàn trường [H1-1.2-05]; Hội đồng tuyển sinh thực hiện tốt công tác tuyển sinh đảm bảo công khai, công bằng, đúng quy định [H1-1.2-11]; Với sự cố gắng nhà trường đã có những kết quả đánh giá thể hiện rất rõ qua thành tích năm học 2023-2024. [H1-1.2-12].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập theo đúng quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công và quyền hạn theo quy định.

3. Điểm yếu:

Đôi lúc công tác rà soát, đánh giá của nhà trường đối với hoạt động của các Hội đồng còn chưa đúng thời gian theo kế hoạch đã đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng trường đạt hiệu quả tốt hơn trong những năm học tiếp theo.	Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên trong Hội đồng trường.	Năm học 2025-2026	Phát huy điểm mạnh của các hội đồng trong nhà trường, phân công các cá nhân chịu trách nhiệm rà soát, đánh giá cụ thể theo tháng, quý, năm để mỗi cá nhân chủ động thực hiện rà soát, đánh giá đảm bảo đúng kế hoạch.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các tổ chức như: Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi hội chữ thập đỏ đảm bảo cơ cấu theo quy định. Tổ chức Công đoàn nhà trường trực thuộc Liên đoàn lao động quận Hà Đông gồm có 28 công đoàn viên. Ban chấp hành công đoàn hiện tại gồm 03 đồng chí trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch và 01 ủy viên Ban chấp hành [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]. Đoàn thanh niên thuộc quản lý của Đoàn phường Yên Nghĩa, Ban chấp hành gồm 02 đồng chí và có 9 đoàn viên thanh niên do đồng chí Nguyễn Thị Vân làm bí thư chi đoàn [H1-1.3-03] [H1-1.3-04]. Nhà trường có 01 Chi hội Chữ thập đỏ gồm 28 thành viên do Hội chữ thập đỏ phường Yên Nghĩa thành lập [H1-1.3-05].

Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Chi hội chữ thập đỏ hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ như: Tổ chức Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam đại diện bảo vệ các quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường, vận động CBGVNV nhà trường tích cực học tập, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế của ngành, của đơn vị [H1-1.3-06]. Chi đoàn thanh niên hoạt động theo Điều lệ Đoàn TNCSHCM đại diện chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tuổi trẻ, là lực lượng tiên phong trong các hoạt động, phong trào thi đua, tuyên truyền vận động các đoàn viên nghiêm túc chấp hành pháp luật, các quy định của ngành, đơn vị và của địa phương. Tuy nhiên, do 100% đoàn viên là phụ nữ, đều có gia đình và đang trong độ tuổi sinh con và nuôi con nhỏ nên các hoạt động bên ngoài của Chi đoàn còn hạn chế, chưa phát huy được tính tiên phong của thanh niên [H1-1.3-07]. Chi hội chữ thập đỏ hoạt động trong nhà trường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu giáo dục và các công tác xã hội của địa phương.

Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội chữ thập đỏ thường xuyên nhằm giúp các tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch hoạt động của từng tổ chức. Công đoàn nhà trường thực hiện kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ, công tác chăm lo đời sống cho CBGVNV, tham mưu đề xuất với lãnh đạo cấp trên, đơn vị về chế độ chính sách cho CBGVNV và học sinh theo đúng chức năng nhiệm vụ [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]. Chi đoàn TNCSHCM nhà trường thực hiện công tác rà soát và đánh giá các hoạt động của Chi đoàn trong các Đại hội theo từng nhiệm kỳ. Trong đó, báo cáo nêu rõ nội dung đã thực hiện được và hạn chế của công tác Đoàn thanh niên. Từ đó, xác định nhiệm vụ, công tác trọng tâm cho nhiệm kỳ tiếp theo [H1-1.3-10]. Hằng năm, nhà trường thực hiện đánh giá công tác của Chi hội chữ thập đỏ. Trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường, BGH nhà trường đã nêu rõ những ưu điểm và những tồn tại để chỉ ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ của Công đoàn, Chi đoàn và Chi hội chữ thập đỏ trong năm học tiếp theo [H1-1.1-04]. Tuy nhiên các đồng chí đoàn viên là phụ nữ, đều có gia đình và đang trong độ tuổi sinh con và nuôi con nhỏ nên

các các hoạt động bề nổi của Chi đoàn còn hạn chế, chưa phát huy được tính tiên phong của thanh niên.

Mức 2:

Nhà trường có 01 Chi bộ Đảng độc lập hiện tại có 13 đảng viên trực thuộc Đảng ủy phường Yên Nghĩa, cơ cấu gồm 01 Bí thư chi bộ là đồng chí Nguyễn Thị Luyến - Hiệu trưởng nhà trường, 01 Phó bí thư chi bộ là đồng chí Phùng Thị Huyền Hạnh - Phó Hiệu trưởng nhà trường, 01 Chi ủy viên là đồng chí Đặng Thị Vân Vi và 10 đảng viên [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12]. Chi bộ Đảng hoạt động trong khuôn khổ, Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng cộng sản Việt Nam [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14]. Trong 5 năm liên tiếp trở lại đây (Từ 2020-2024) chi bộ Trường Mầm non Hòa Bình liên tục đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-15]. Tuy nhiên tỉ lệ Đảng viên trong Chi bộ bị giảm so với đầu nhiệm kỳ là 02 đảng viên (lý do có 01 đồng chí nghỉ hưu, 01 đồng chí chuyển công tác).

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ nhà trường các tổ chức Công đoàn; Chi đoàn; Chi hội chữ thập đỏ hoạt động theo quy định và có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường như: Công đoàn 02 năm được Liên đoàn lao động quận Hà Đông tặng giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Chi đoàn 02 năm được Quận đoàn đánh giá có thành tích xuất sắc trong hoạt động Chi đoàn. 02 năm được Chủ tịch UBND phường Yên Nghĩa tặng giấy khen [H1-1.3-16]. Công đoàn, chi đoàn và Chi hội chữ thập đỏ đã vận động hội viên hưởng ứng các hoạt động phong trào của nhà trường và của địa phương như: ủng hộ các quỹ từ thiện, các phong trào văn hóa, văn nghệ của địa phương, hiến máu tình nguyện [H1-1.3-09]; [H1-1.3-17].

Mức 3

Từ khi thành lập, Chi bộ nhà trường luôn thực hiện tốt công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhà trường và các tổ chức đoàn thể hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong 5 năm, từ năm 2020 đến nay, Chi bộ nhà trường luôn được Đảng ủy phường Yên Nghĩa đánh giá, xếp loại: Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-15].

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ nhà trường các tổ chức Công đoàn; Chi đoàn; Chi hội chữ thập đỏ hoạt động theo quy định và có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường như: Công đoàn viên đã tham gia đầy đủ các phong trào, các hoạt động do Công đoàn cấp trên và nhà trường phát động. Trong 5 năm từ năm 2020 đến 2024, Công đoàn nhà trường đã ủng hộ được khoảng gần 110.000.000 đồng qua các cuộc vận động. Chi đoàn luôn là cánh tay đắc lực của nhà trường, là lực lượng nòng cốt tham gia các hoạt động như: Thi GV giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi, thi thiết kế bài giảng điện tử đạt giải nhất, Nhì, Ba và khuyến khích, tham gia các hoạt động văn nghệ và các hoạt động khác góp phần thúc đẩy phong trào nhà trường giúp nhà trường ngày càng nâng cao chất lượng GD và chăm sóc nuôi dưỡng trẻ.

1. Điểm mạnh:

Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên được quy định rõ về thành phần, chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định Điều lệ của từng tổ chức đoàn thể, có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, GD trẻ cũng như các phong trào thi đua của trường, của địa phương.

3. Điểm yếu:

Tỉ lệ Đảng viên trong Chi bộ còn thấp so với chỉ tiêu phấn đấu của nhà trường, 100% đoàn viên là phụ nữ, đều có gia đình và đang trong độ tuổi sinh con và nuôi con nhỏ nên các

các hoạt động bề nổi của Chi đoàn còn hạn chế, chưa phát huy được tính tiên phong của thanh niên.

Chi hội chữ thập đỏ của nhà trường còn chưa tích cực trong các hoạt động do chi hội Chữ thập đỏ của phường phát động

Tỉ lệ tham gia hiến máu tình nguyện chưa đạt chỉ tiêu

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
- Duy trì việc hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. - Kết nạp thêm từ 1-2 Đảng viên mới trong một nhiệm kỳ. - Nâng cao chất lượng hoạt động Công đoàn của Đoàn thanh niên trong nhà trường.	Chi bộ, Ban chấp hành Công đoàn, Ban chấp hành Chi Đoàn, Chi hội chữ thập đỏ của nhà trường.	- Định kỳ hằng tháng, hằng năm	- Tăng cường công tác rà soát đội ngũ CBGVNV trong nhà trường, giao cho các đoàn thể trong trường bồi dưỡng quần chúng ưu tú để giới thiệu cho chi bộ kết nạp Đảng viên nâng tỷ lệ Đảng viên cao hơn. - Nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu của các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường đồng thời phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, GD trẻ của nhà trường. Chi bộ nhà trường chỉ đạo các đoàn thể trong nhà trường linh hoạt trong việc lựa chọn các nội dung, hoạt động sao cho phù hợp với điều kiện của chi đoàn nhằm phát huy được vai trò, sức mạnh, tính tiên phong của mỗi đoàn viên trong chi đoàn. - Chỉ đạo các tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện quy chế của chi bộ, công đoàn, chi đoàn, có kiểm tra, đôn đốc, đánh giá thi đua, khen thưởng.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	a	Không đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường mầm non Hòa Bình là trường Hạng I [H1-1.4-01]. Theo Điều lệ trường mầm non, nhà trường hiện có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đảm bảo đủ theo quy định. Hiệu trưởng là đồng chí Nguyễn Thị Luyến được bổ nhiệm theo Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 11/06/2018 do UBND quận Hà Đông ký, và được bổ nhiệm lại tại trường mầm non Hòa Bình theo Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 09/05/2023 do UBND quận Hà Đông ký [H1-1.4-02]. Phó hiệu trưởng là các đồng chí: Đồng chí Đặng Thị Vân Vi được điều động, bổ nhiệm theo Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 11/06/2018 do UBND quận Hà Đông ký và được bổ nhiệm lại tại trường mầm non Hòa Bình theo Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 09/05/2023 do UBND quận Hà Đông ký. Đồng chí Phùng Thị Huyền Hạnh được bổ nhiệm tại trường mầm non Hòa Bình theo Quyết định số 5250/QĐ-UBND quận Hà Đông ngày 20/07/2023 do UBND quận Hà Đông ký [H1-1.4-03].

Nhà trường có 04 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng theo đúng quy định tại Điều 13,14 Điều lệ trường mầm non (Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020). Cụ thể, năm học 2024-2025 nhà trường có: 01 tổ mẫu giáo lớn (5-6 tuổi) gồm đồng chí phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn giáo dục và 06 giáo viên giảng dạy lớp 5-6 tuổi; 01 tổ mẫu giáo 4-5 tuổi gồm 06 giáo viên giảng dạy lớp 4-5 tuổi; 01 tổ mẫu giáo 3-4 tuổi và nhà trẻ

gồm 06 giáo viên giảng dạy lớp 3-4 tuổi và nhà trẻ (24-36 tháng); 01 tổ nuôi dưỡng gồm đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng và 06 nhân viên nuôi dưỡng và 01 tổ văn phòng gồm đồng chí Hiệu trưởng và 03 nhân viên. Tổ 5-6 tuổi, tổ 4-5 tuổi, mỗi tổ đều có 01 đồng chí tổ trưởng, riêng tổ mẫu giáo 3 – 4 tuổi có 02 nhóm lớp và tổ nhà trẻ có 01 nhóm lớp nên nhà trường phân công một đồng chí khối 3 – 4 tuổi kiêm luôn tổ trưởng của khối mẫu giáo 3-4 tuổi và khối Nhà trẻ, tổ nuôi dưỡng có 01 tổ trưởng, tổ văn phòng có 01 tổ trưởng theo quy định. (mục 1 Điều 13, 14 Điều lệ trường mầm non) [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Các tổ chuyên môn đều do Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập vào đầu mỗi năm học [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Các tổ hoạt động dưới sự điều hành trực tiếp của các đồng chí Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo nhiệm vụ được phân công

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã thực hiện xây dựng các kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, học kỳ, năm. [H1-1.1-10]. Trên cơ sở đó, các tổ chuyên môn nuôi, tổ chuyên môn dạy cũng tiến hành xây dựng đầy đủ các kế hoạch hoạt động của tổ mình theo tuần, tháng, học kỳ, năm học với các mục tiêu, biện pháp thực hiện, thời hạn hoàn thành [H1-1.4-06]. Các tổ đều đảm bảo việc sinh hoạt theo định kỳ 2 tuần/lần để đánh giá chất lượng, có ghi chép biên bản đầy đủ. Tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, GD trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị GD của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]. Tham gia đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp GV mầm non đề xuất khen thưởng, kỷ luật GV, nhân viên [H1-1.4-09]. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ 1 lần /tháng, thực hiện nhiệm vụ: Giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường và xếp loại các thành viên trong tổ [H1-1.4-07]. Tuy nhiên Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ còn chưa phong phú, nhận xét đánh giá còn chung chung mang tính chất cào bằng, tổ chưa chỉ ra những hạn chế, việc chưa làm được của từng cá nhân.

Mức 2:

Năm học 2024-2025 đã tổ chức các chuyên đề:

- + Chuyên đề phát triển lĩnh vực nhận thức, hoạt động PTTC khối 5 tuổi ;
- + Chuyên đề phát triển lĩnh vực thẩm mỹ: hoạt động tạo hình khối 3 tuổi (Tạo bộ lông con Nhím);
- + Chuyên đề phát triển lĩnh vực ngôn ngữ trẻ 24-36 tháng (Nhận biết tập nói Quả trứng).
- + Chuyên đề phát triển lĩnh vực thể chất lồng ghép nội dung giáo dục phòng cháy chữa cháy khối 4 tuổi, 5 tuổi. (Diễn tập kỹ năng thoát hiểm khi có cháy)

[H1-1.4-10]

Bên cạnh đó, tổ chuyên môn nuôi dưỡng cũng xây dựng các chuyên đề về công tác nuôi dưỡng giúp nâng cao chất lượng bữa ăn trong nhà trường: tổ chức giờ ăn cho trẻ, chuyên đề vệ sinh cho trẻ, tập huấn quy chế chuyên môn nuôi dưỡng. Thông qua các chuyên đề chất lượng CSNDGD trẻ của nhà trường ngày càng được nâng cao như: chuyên đề chế biến món ăn, giờ ăn hạnh phúc, chuyên đề giờ ngủ, tổ chức bữa tiệc buffet, bữa ăn gia đình [H1-1.4-11].

Hàng năm, nhà trường thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động của tổ chuyên môn. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ theo nhiệm vụ của từng năm học. Trong đó, kiểm tra về các nội dung theo chuyên đề và kiểm tra dự giờ. Thông qua kết quả kiểm tra nội bộ hàng năm, nhà trường thực hiện đánh giá, góp ý, rút kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên các tổ chuyên môn, tổ văn phòng trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo chức năng và nhiệm vụ của mình. Để hoạt động chuyên môn đạt hiệu quả cao, hàng tháng các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều rà soát công việc đánh giá kết quả đạt được và kịp thời điều chỉnh các mặt tồn tại thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, các hoạt động kiểm tra. Qua kết quả kiểm tra trong năm học, BGH nhà trường cùng các tổ chuyên môn điều chỉnh kế hoạch các hoạt động trong những năm tiếp theo phù hợp với trẻ và đặc điểm phát triển của nhà trường [H1-1.3-08].

Mức 3:

Các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng của nhà trường trong những năm qua đã làm tốt nhiệm vụ của tổ, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Tổ chuyên môn đã triển khai các thành viên trong từng tổ xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ theo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ từng năm học của phòng GD&ĐT quận Hà Đông. Tổ chuyên môn đã triển khai trong nhóm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra qua kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, CSGD trẻ và các hoạt động GD khác [H1-1.4-06]. Thực hiện kiểm tra, đánh giá trình độ, năng lực của các thành viên trong tổ trong việc thực hiện các hoạt động và điều chỉnh các hoạt động theo từng năm học. Trong các năm học vừa qua, trẻ ở các độ tuổi đã đạt được kết quả mong muốn theo kế hoạch đề ra của nhà trường. Kết quả kiểm tra, dự giờ, các hội thi trong năm cho trẻ đạt kết quả cao hơn [H1-1.1-04]; [H1-1.3-08]. Xây dựng và triển khai bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ GV, nhân viên nuôi dưỡng theo các nhiệm vụ trọng tâm, theo hướng dẫn nhiệm vụ của năm học. Các tổ chuyên môn xây dựng và triển khai kế hoạch hội thi “GV giỏi, nhân viên nuôi dưỡng giỏi cấp trường”. Lựa chọn GV cốt cán tham gia dự thi GV dạy giỏi và GV tham dự các cuộc thi thiết kế bài giảng CNTT cấp quận. Qua các hội thi, các tổ chuyên môn củng cố kiến thức và kịp thời bồi dưỡng năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ GV, nhân viên theo quy định, bồi dưỡng thường xuyên hàng năm của Sở GD&ĐT Hà Nội. Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ còn chưa phong phú, ít có ý kiến đóng góp từ các tổ viên, thường tổ trưởng triển khai đến các tổ viên; nhận xét đánh giá còn chung chung mang tính chất cào bằng, tổ chưa chỉ ra những hạn chế, việc chưa làm được của từng cá nhân [H1-1.1-04]; [H1-1.4-07]. Đối với tổ văn phòng: nhân viên kế toán đề xuất với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng các giải pháp, lựa chọn các loại thực phẩm có chất dinh dưỡng đảm bảo cân đối khẩu phần ăn cho trẻ, đa dạng và phù hợp theo mùa, đảm bảo VSATTP cho trẻ trong từng năm học [H1-1.4-12]. Thực hiện quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị GD theo đúng quy định, đảm bảo hiệu quả sử dụng các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi trong từng năm học [H1-1.4-13]. Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho đội ngũ CBGVNV và học sinh kịp thời [H1-1.4-14]. Thực hiện lưu trữ công văn đi, đến khoa học, nộp các loại báo cáo kịp thời theo đúng thời gian quy định [H1-1.4-15].

Tổ chuyên môn còn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Tổ chuyên môn tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho các thành viên theo các chuyên đề của phòng GD&ĐT quận Hà Đông triển khai trong từng năm học. Tổ chuyên môn được phòng GD đã tạo điều kiện tổ chức cho đi

thăm quan, học tập chuyên môn các trường mầm non trên địa bàn quận Hà Đông và Thành phố Hà Nội. Ngoài ra nhà trường chủ động liên hệ với trường MN Phú La (đơn vị kết nghĩa) để giao lưu, học tập chia sẻ kinh nghiệm. Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và bồi dưỡng các chuyên đề về nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ cho đội ngũ GV, nhân viên nuôi dưỡng theo từng năm học [H1-1.4-16]; [H1-1.4-17]. Đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn triển khai các tổ chuyên môn dạy thực hiện có hiệu quả các chuyên đề tại nhóm, lớp phụ trách, đưa nội dung các chuyên đề được thăm quan, học tập áp dụng vào thực tế trong nhà trường. Cuối năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả bồi dưỡng chuyên đề, kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng, GD trẻ của tổ chuyên môn và đề ra phương hướng thực hiện các hoạt động trong những năm học tiếp theo [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định, cán bộ quản lý nhà trường có đủ số lượng thành viên theo quy định của Điều lệ trường mầm non và các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đủ kế hoạch hoạt động, được định kỳ rà soát và điều chỉnh theo hằng năm. Các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đóng góp tích cực trong việc thực hiện chuyên đề và nâng cao hiệu quả chất lượng CSGD trẻ.

3. Điểm yếu:

Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ còn chưa phong phú, các thành viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến vào nội dung sinh hoạt chuyên môn, nhận xét đánh giá còn chung chung mang tính chất cào bằng, tổ chưa chỉ ra những hạn chế, việc chưa làm được của từng cá nhân.

Nhân viên văn phòng: kế toán, văn thư, y tế đều là nhân viên hợp đồng và kiêm nhiệm, mức lương còn thấp, không ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
- Cải tiến nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn và phát huy tính tích cực cho các thành viên trong tổ.	BGH, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các nhóm lớp.	Năm học 2025-2026	- Nhà trường tiếp tục kiện toàn các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đảm bảo cơ cấu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ như: xây dựng kế hoạch của tổ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá các thành viên trong tổ. BGH thường xuyên dự các buổi sinh hoạt của tổ chuyên môn đưa ra các ý kiến chỉ đạo, góp ý về nội dung sinh hoạt cũng như việc nhận xét đánh giá các thành viên nhằm góp

			phần nâng cao chất lượng hoạt động của tổ. Đổi mới hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng.
--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

- a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;
- b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;
- c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số 390 trẻ/09 nhóm, lớp, trong đó có 08 lớp mẫu giáo gồm: 03 lớp mẫu giáo lớn (5-6 tuổi), 03 lớp mẫu giáo nhỡ (4-5 tuổi), 02 lớp mẫu giáo bé (3-4 tuổi); 01 nhóm trẻ nhà trẻ (24-36 tháng). Tất cả trẻ đều được bố trí vào các nhóm lớp theo đúng độ tuổi quy định, không có lớp ghép và không có tình trạng trẻ học sai độ tuổi [H1-1.5-01].

100% trẻ đến trường được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày [H1-1.5-02].

Các nhóm, lớp trong nhà trường không có trẻ em khuyết tật

Mức 2:

Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số 09 nhóm, lớp. Trong đó 08 lớp mẫu giáo, 01 nhóm trẻ 24-36 tháng. Nhà trẻ có 34 trẻ/01 nhóm. Trẻ mẫu giáo có 356 trẻ/08

lớp bình quân 44,5 trẻ/lớp. Trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi có 96 trẻ/2 lớp. Trẻ mẫu giáo 4-5 tuổi có 120 trẻ/3 lớp. Trẻ 5-6 tuổi có 140 trẻ/3lớp. Số trẻ trên lớp đông hơn bình quân theo quy định tại khoản 1 điều 15 Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-02].

Mức 3:

Trường mầm non Hòa Bình có tổng số 09 nhóm, lớp, số nhóm, lớp đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh:

100% trẻ đến trường được phân chia vào các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi, được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày, nhà trường không có lớp ghép và không có trẻ khuyết tật.

3. Điểm yếu:

Số trẻ/ nhóm lớp vượt mức quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Duy trì phân chia trẻ theo đúng độ tuổi; tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày. Số trẻ/nhóm, lớp phải đảm bảo theo đúng quy định.	BGH và các thành viên trong Hội đồng tuyển sinh.	Năm học 2029-2030	Nhà trường xây dựng kế hoạch chỉ tiêu tuyển sinh đảm bảo số lượng trẻ bình quân/nhóm lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tuyển sinh đảm bảo đúng chỉ tiêu UBND quận Hà Đông giao. Khi tổ chức hoạt động học cần chia nhóm học

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Không đạt	*	Đạt
b	Đạt				
c	Đạt				
Đạt		Không đạt		Đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật kịp thời với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong năm năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo đúng quy định như: hồ sơ chỉ đạo hoạt động của nhà trường, hồ sơ quản lý chuyên môn, hồ sơ quản lý nuôi dưỡng, hồ sơ tài chính kế toán, hồ sơ công tác kiểm tra nội bộ, hồ sơ quản lý nhân sự, hồ sơ quản lý tài sản, các văn bản đi, đến. Đối với các loại văn bản chung như công văn đi, công văn đến của nhà trường được nhân viên Thủ quỹ kiêm văn thư lưu trữ theo từng năm và phân loại theo từng mảng hoạt động; các loại văn bản đựng trong hộp có ghi nhãn mác để đúng nơi quy định [H1-1.4-15]. Các văn bản liên quan đến công tác tài chính, kế toán thì sẽ được bộ phận kế toán lưu trữ và bảo quản. Các văn bản, hồ sơ về thực hiện công tác chuyên môn, các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác đội ngũ, chỉ đạo quản lý tài chính, công tác thi đua được sắp xếp theo từng năm học có ghi nhãn mác đầy đủ, rõ ràng, thuận tiện cho việc sử dụng và tra cứu [H1-1.6-01].

Căn cứ vào quyết định giao dự toán ngân sách của UBND quận Hà Đông, nhà trường chỉ đạo bộ phận kế toán lập dự toán thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất, thực hiện công khai và định kỳ kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định và theo văn bản hiện hành [H1-1.6-02]. Hằng năm, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ theo các văn bản mới, phù hợp với đặc thù của nhà trường, đảm bảo sự minh bạch, dân chủ, công khai thông qua Hội nghị CBCC,VC,NLĐ đầu năm học và buổi họp hội đồng sư phạm [H1-1.6-03]. [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

Về công tác tài chính, hằng năm sau khi nhận được quyết định giao dự toán, nhân viên kế toán xây dựng kế hoạch chi thường xuyên, kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản trong năm ngân sách, để đảm bảo thu đủ chi [H1-1.6-03]. Về quản lý tài sản nhà trường có sổ theo dõi tài sản của toàn trường và theo dõi tài sản trên phần mềm. Mỗi bộ phận được bàn giao tài sản đầu năm học đều có sổ theo dõi riêng giữa Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC và bộ phận đó. Đến cuối năm học, Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC cùng nhân viên kế toán đi kiểm kê tài sản từng bộ phận được tiếp quản tài sản đầu năm, nếu có hỏng thì báo cáo BGH để sửa chữa. [H1-1.4-13]. Hằng năm, nhà trường ban hành Quyết định thành lập tổ mua sắm tài sản, sửa chữa CSVC. Tổ mua sắm CSVC nghiêm túc thực hiện công tác rà soát, đánh giá chất lượng tài sản, CSVC và giá trị sử dụng của từng loại

tài sản theo từng tháng để có kế hoạch bổ sung, sửa chữa kịp thời nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động CSGD trẻ.

Mức 2:

Để công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản có hiệu quả thì ngoài việc thiết lập quản lý hồ sơ khoa học, nhà trường còn chỉ đạo tổ văn phòng ứng dụng CNTT vào các hoạt động tùy thuộc theo nội dung từng công việc. Nhân viên kế toán kiêm văn thư thực hiện: lập báo cáo đột xuất, định kỳ và thường xuyên về công tác văn thư, lưu trữ của nhà trường; bán phiếu ăn cho học sinh hằng tháng, nhận và gửi thư điện tử; quản lý phần mềm dữ liệu đội ngũ CBGVNV và học sinh trong nhà trường. Nhà trường đã hợp đồng các phần mềm hỗ trợ trong công tác báo cáo tài chính, tài sản của nhà trường như: phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp DAS; phần mềm quản lý tài sản cố định; phần mềm quản lý các khoản thu, phần mềm phổ cập giáo dục... Các phần mềm đã phát huy hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản, giúp nhân viên hành chính, kế toán giảm tải cường độ làm việc và đảm bảo độ chính xác tuyệt đối [H1-1.6-06].

Nhà trường luôn quản lý hành chính, tài chính và tài sản đảm bảo đúng quy định. Chính vì vậy tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hệ thống hồ sơ sổ sách, thực hiện quản lý và lưu trữ hồ sơ đảm bảo đúng quy định và được sắp xếp khoa học. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, hiệu quả phục vụ công tác GD, không để xảy ra vi phạm trong quản lý hành chính, tài chính, tài sản. Hằng năm, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản; bổ sung điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện nhà trường; thực hiện công khai và kiểm tra tài chính đúng quy định. Nhà trường ứng dụng CNTT hiệu quả trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Trong năm nhà trường không có trường hợp vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

Điểm yếu

Chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Tiếp tục duy trì công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuận tiện cho việc sử	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và nhân viên kế toán.	Năm học 2025-2026	Phát huy các điểm mạnh trong công tác lưu trữ hồ sơ, quản lý tài chính tài sản, tiếp tục đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Thực hiện quản lý hành chính, tài sản, tài chính trên hệ thống phần mềm,

dụng, lưu trữ và đảm bảo chất lượng.			sử dụng tài sản đúng mục đích, hiệu quả. Nghiên cứu, có tầm nhìn để xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.
--------------------------------------	--	--	---

3. Tự đánh giá:

4. Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt/ Không đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

Để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên và định kỳ cho đội ngũ CBGVNV trong nhà trường nhằm nâng cao chuyên môn kỹ năng, nghiệp vụ quản lý, CSGD trẻ. Các nội dung bồi dưỡng hằng năm là các nội dung về: Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, bồi dưỡng đạo đức nhà giáo, bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng xây dựng môi trường GD lấy trẻ làm trung tâm [H1-1.4-17]; cử các đồng chí CBGVNV tham gia tập huấn VSATTP; tập huấn PCCC; tập huấn PCTNTT trong trường mầm non. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nhiều buổi bồi dưỡng mời giảng viên tập huấn cho CBGVNV vì kinh phí hạn chế [H1-1.7-01].

Ngay đầu năm học, nhà trường đã họp phân công nhiệm vụ đối với từng CBGVNV căn cứ vào năng lực, sở trường đảm bảo đúng người, đúng việc, phù hợp giữa chuyên môn và vị trí việc làm nhằm giúp mỗi cá nhân phát huy tối đa những điểm mạnh của bản thân đồng thời qua thực hiện nhiệm vụ hạn chế những điểm yếu giúp cho việc

tổ chức, thực hiện nhiệm vụ của mỗi cá nhân đạt hiệu quả cao nhất [H1-1.4-05]. Qua thời gian công tác của CBGVNV tại vị trí được phân công mỗi cá nhân đều phát huy những điểm mạnh của bản thân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, kế hoạch của nhà trường đã đề ra [H1-1.1-04].

100% CBGVNV trong nhà trường được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi hợp pháp và chính đáng theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non và pháp luật như: hưởng lương theo đúng quy định của nhà nước, được hưởng các chế độ phụ cấp nghề, phụ cấp chức vụ. Thực hiện nâng lương trước kỳ hạn, nâng lương thường xuyên cho đội ngũ biên chế trong nhà trường [H1-1.4-14]. Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em (mua sắm trang thiết bị, CSVC, tài liệu chuyên môn). Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (nhà trường đã cử cán bộ quản lý, GV, nhân viên cốt cán tham gia học tập các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, học tập các chuyên đề do Sở GD&ĐT Thành phố Hà Nội hoặc Phòng GD&ĐT quận Hà Đông tổ chức). Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo (được hưởng chế độ ốm đau, thai sản, chế độ nuôi con nhỏ... theo đúng qui định). Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBGVNV được tuyển dụng chính thức và lao động hợp đồng vào làm việc theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó CBGVNV được nhà trường tổ chức đi tham quan, nghỉ mát vào dịp hè, được bảo vệ nhân phẩm và danh dự, được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật. [H1-1.7-02].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của CBGVNV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng GD nhà trường như: Quản lý tốt nguồn nhân lực trong nhà trường, phân công nhiệm vụ theo khả năng, vai trò và trách nhiệm để tối ưu hóa năng lực của đội ngũ CBGVNV khi giải quyết các công việc. Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn lập kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ theo nhu cầu, tạo động lực để CBGVNV phát triển. Tổ chức các hội thi để CBGVNV thể hiện năng lực bản thân. Lựa chọn các đồng chí CBGVNV có năng lực làm báo cáo viên tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBGVNV tại trường và các tổ chuyên môn. Với các tổ chuyên môn, BGH phát huy vai trò chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn các tổ, điều phối các GV trong tổ chuyên môn thực hiện đúng nhiệm vụ [H1-1.4-17]; [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phân công, sử dụng cán bộ quản lý, GV, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đúng người, đúng việc, phù hợp giữa chuyên môn và vị trí việc làm đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Nhà trường thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ; thực hiện tốt các chế độ đảm bảo các quyền theo quy định cho CBGVNV. 100% CBGVNV được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi hợp pháp và chính đáng theo quy định của Điều lệ trường mầm non và pháp luật. Thực hiện động viên khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân, tổ nhóm có thành tích đóng góp nổi bật cũng như đổi mới sáng tạo trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và GD trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhiều buổi bồi dưỡng mời giảng viên tập huấn cho CBGVNV vì kinh phí hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Xây dựng kế hoạch mời giảng viên tập huấn cho CBGVNV.	BGH	Năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo.	Cân đối tài chính để mời giảng viên tập huấn bồi dưỡng cho CBGVNV.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kế hoạch hoạt động GD của nhà trường đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021) và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và của nhà trường: Căn cứ theo chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học và Quy chế chuyên môn của Sở GD&ĐT Hà Nội, phòng GD&ĐT quận Hà Đông, nhiệm vụ năm học nhà trường đã xây dựng mục tiêu GD chung của trường; xây dựng hệ thống ngân hàng; phiên chế chủ đề...[H1-1.8-01].

BGH cùng các tổ trưởng chuyên môn nghiên cứu và Ban hành cuốn chương trình của nhà trường, chỉ đạo đội ngũ GV xây dựng đầy đủ kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trong từng tổ chuyên môn, đảm bảo kế hoạch GD theo đúng hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01]. 100% GV trong nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ kế hoạch GD theo năm, tháng, tuần và hằng ngày, tuyệt đối không cắt xén chương trình, không bỏ giờ, bỏ lớp. Việc thực hiện kế hoạch GD của GV được BGH, tổ chuyên môn giám sát chặt chẽ, hiệu quả thông qua hoạt

động kiểm tra, duyệt giáo án, kiểm tra hồ sơ sổ sách của GV [H1-1.3-08]; [H1-1.8-02].

Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động GD sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, với khả năng, nhu cầu của trẻ. Hằng tháng, BGH kiểm tra, góp ý, ký duyệt kế hoạch GD của từng nhóm, lớp, (khi nội dung kế hoạch đảm bảo các yêu cầu) GV chỉ tiến hành thực hiện kế hoạch GD khi đã được Ban giám hiệu ký duyệt [H1-1.8-02]. Tuy nhiên, việc lựa chọn các mục tiêu nâng cao đưa vào các lĩnh vực quá nhiều dẫn đến việc thực hiện chưa hiệu quả, GV chưa mạnh dạn lựa chọn các bài ngoài chương trình trong các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Mức 2:

Nhà trường nghiêm túc thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ theo đúng kế hoạch đã xây dựng; thường xuyên đưa ra các biện pháp chỉ đạo sát sao, kịp thời nên công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ đạt hiệu quả cao và được cơ quan quản lý ghi nhận. Luôn đạt kết quả tốt trong các đợt kiểm tra như: Kiểm tra đột xuất công tác chuyên môn của PGD, kiểm tra công tác y tế học đường, phòng chống dịch bệnh. Cụ thể năm học 2023-2024 nhà trường đạt tập thể lao động tiên tiến, 04 sáng kiến được xếp loại cấp Quận [H1-1.8-04]; Năm học 2024-2025 nhà trường có 01 giáo viên đạt giải Nhì hội thi “*Giáo viên dạy giỏi*” cấp Quận; 02 nhân viên đạt giải Ba trong hội thi “*Nhân viên nuôi dưỡng giỏi*” cấp Quận [H1-1.2-12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch GD đảm bảo theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương và phù hợp với đặc điểm của trẻ. Nhà trường thường xuyên định kỳ kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh nội dung GD phù hợp. Từ đó, nhà trường quản lý, chỉ đạo hiệu quả các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Tại 100% nhóm lớp, với năng lực giáo viên, trẻ ngày càng nâng cao hơn nữa chất lượng GD trẻ tại trường. Trong năm học 2023-2024 nhà trường đạt tập thể lao động tiên tiến, 04 sáng kiến được xếp loại cấp Quận; Năm học 2024-2025 nhà trường có 01 giáo viên đạt giải Nhì hội thi “*Giáo viên dạy giỏi*” cấp Quận; 02 nhân viên đạt giải Ba trong hội thi “*Nhân viên nuôi dưỡng giỏi*” cấp Quận [H1-1.2-12]. [H1-1.2-12].

3. Điểm yếu

Việc lựa chọn các mục tiêu nâng cao đưa vào các lĩnh vực quá nhiều, một số mục tiêu chưa thực tế đối với địa phương dẫn đến việc thực hiện chưa hiệu quả và, GV chưa mạnh dạn lựa chọn các bài ngoài chương trình trong các hoạt động giáo dục cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Xây dựng kế hoạch GD phù hợp với Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, điều kiện của nhà	BGH, các tổ trưởng chuyên môn và đội ngũ GV, nhân viên.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch GD đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện nhà trường, địa phương. Thường

trường và đặc điểm của trẻ trong nhà trường. Nâng cao hiệu quả quản lý đánh giá của BGH với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ.			xuyên rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, GD để đạt được các mục tiêu về CSGD trẻ của nhà trường ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn. BGH chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng hệ thống ngân hàng hoạt động GD bổ sung thêm các bài mới ngoài chương trình. Các chương trình GD hiện đại của các nước tiên tiến trên thế giới phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ.
--	--	--	---

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng.

Mức 1:

Hàng năm CBGVNV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo Quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động nhà trường, ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Thứ trưởng Bộ GD&ĐT) như: Khi xây dựng kế hoạch chỉ tiêu năm học, quy chế chi tiêu nội bộ... nhà trường triệu tập Ban trung tâm họp thảo luận và đưa ra ý kiến đóng góp xây dựng dự thảo các kế hoạch, nội quy, quy chế sau đó thông qua tập thể CBGVNV lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo trước khi chính thức thực hiện. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao và kịp

thời của Chi bộ, BGH nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, thực hiện công khai, lấy ý kiến và tổ chức thực hiện các nội dung như: Công khai về tài chính, về dự toán quyết toán các khoản thu-chi trong nhà trường, công khai quy chế chi tiêu nội bộ, công khai về quản lý và sử dụng tài sản công, công khai tuyển dụng viên chức, đề bạt, bổ nhiệm, nâng lương, công khai đánh giá CBGVNV, khen thưởng, kỷ luật cán bộ viên chức, công khai trong công tác tuyển sinh... Mọi hoạt động, chế độ, chính sách của nhà trường đều được đưa ra bàn bạc công khai, lấy ý kiến biểu quyết và thống nhất trong toàn trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-05].

Từ khi thành lập trường đến nay, nhà trường không nhận được bất cứ một đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh nào về nhà trường [H1-1.9-02].

Hàng năm căn cứ kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở nhà trường đã xây dựng báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ để báo cáo lãnh đạo cấp trên cũng như lưu tại đơn vị [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả thông qua hoạt động của Ban TTND, tổ chức Công đoàn như Đội ngũ CBGVNV tham gia vào việc đóng góp ý kiến xây dựng nội quy, quy chế của nhà trường. Sau khi lấy ý kiến thảo luận và được sự thống nhất của cán bộ giáo viên nhân viên, nhà trường chỉnh sửa dự thảo thành bản kế hoạch hoàn chỉnh và triển khai thực hiện tới 100% CBGVNV [H1-1.9-01]. Ban TTND nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể, rõ ràng và thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện QCDC ở cơ sở [H1-1.9-04]. Các biện pháp đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-05]. Tuy nhiên do Ban TTND, Ban chấp hành công đoàn còn kiêm nhiệm nên việc thực hiện các biện pháp, cơ chế giám sát còn chưa đảm bảo thời gian theo kế hoạch.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai và thực hiện nghiêm túc có hiệu quả các cơ chế giám sát việc thực hiện QCDC ở cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch. GVNV thường xuyên được tham gia đóng góp ý kiến vào các kế hoạch, quy chế, nội quy, các hoạt động của nhà trường và được giải đáp các thắc mắc một cách thỏa đáng, giúp GVNV yên tâm công tác. Kể từ khi thành lập, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh nào trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Ban TTND, Ban chấp hành công đoàn còn kiêm nhiệm nên việc thực hiện các biện pháp, cơ chế giám sát còn chưa đảm bảo thời gian theo kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, mọi hoạt động, chế độ, chính sách của nhà trường	BGH, Ban chấp hành công đoàn, Ban TTND và các thành viên trong Ban kiểm tra nội bộ của nhà trường.	Trong năm học 2025-2026.	Nhà trường duy trì thực hiện tốt quy chế dân chủ tại cơ sở, mọi hoạt động, chế độ, chính sách của nhà trường đều được đưa ra bàn bạc công khai, lấy ý kiến biểu quyết và

theo đúng quy định. Phát huy vai trò của Ban TTND, Ban chấp hành công đoàn trong thực hiện nhiệm vụ của nhà trường.			thống nhất trong toàn trường. Nhà trường chỉ đạo Ban TTND, Ban chấp hành Công đoàn nghiêm túc thực hiện kế hoạch kiểm tra theo các nội dung được quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động giám sát của Ban TTND theo hướng dẫn của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam. Chỉ đạo ban TTND xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ theo năm học cụ thể, rõ ràng. Trong đó, dự kiến thời gian hoạt động cụ thể các hoạt động để chủ động thực hiện các công tác giám sát đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch đã xây dựng.
--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học, nhà trường đã xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự. Trong đó chỉ rõ mục đích yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường nhằm đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản cho cô và trò trong nhà trường [H1-1.10-01]. Ngoài ra, nhà trường còn có kế hoạch đảm bảo VSATTP; kế hoạch đảm bảo an toàn PCTNTT [H1-1.10-02]; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh; kế hoạch phòng, chống thảm họa, thiên tai. Trong mỗi kế hoạch đều có mục đích và biện pháp thực hiện rõ ràng, cụ thể. Nhà trường phối hợp công an phòng cháy xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo an toàn phòng, chống cháy nổ trong nhà trường khi có tình huống cháy, nổ xảy ra [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]. Nhà trường tổ chức cho CBGVNV tập huấn công tác phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ, phòng chống cháy nổ trong và ngoài nhà trường vào đầu năm học [H1-1.7-01]. Nhà trường có Phương án, kế hoạch PCCC, thành lập ban chỉ đạo PCCC theo từng năm học, có biên bản tự kiểm tra, báo cáo định kỳ và biên bản kiểm tra của công an quận Hà Đông, trang bị đầy đủ các bình chữa cháy theo quy định. Các trang thiết bị PCCC được bố trí, sắp xếp theo sơ đồ thiết kế nhà trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.10-05]. Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đảm bảo VSATTP tại bếp ăn bán trú, đã ký hợp đồng với 100% các đơn vị cung ứng thực phẩm có uy tín, đảm bảo đủ các điều kiện pháp lý, có chất lượng tốt để đảm bảo an toàn cho trẻ. Bếp ăn bán trú của nhà trường đã cam kết và có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-06].

Nhà trường có nội quy tiếp công dân, lịch tiếp công dân và đường dây nóng là số điện thoại của Hiệu trưởng nhà trường (0862333966) để tiếp nhận các thông tin liên quan đến nhà trường, nhờ đó ngăn chặn được các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường và giải quyết mọi thắc mắc của nhân dân. Có kế hoạch, phân công các cá nhân tiếp công dân vào các ngày trong tuần để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của phụ huynh đối với các hoạt động của nhà trường [H1-1.10-07]. Ngay từ đầu năm, BGH đã có quy định trong việc đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho CBGVNV trong nhà trường như: giờ đón trẻ và trả trẻ: GV đón, trả trẻ tận tay phụ huynh, theo dõi trẻ tại sổ nhật ký đón trả trẻ [H1-1.10-08], xây dựng và triển khai tới 100% CBGVNV về nội dung PCTNTT, phân lịch trực cho tổ bảo vệ đảm bảo có mặt 24/24h [H1-1.10-09]. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp, phân công, chỉ đạo, đôn đốc GV thường xuyên tiến hành kiểm tra các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, rà soát các khu vực sinh hoạt, học tập của trẻ để kịp thời phát hiện và khắc phục những yếu tố gây mất an toàn cho trẻ. Vì vậy, trong nhiều năm liên tục không xảy ra các tình huống mất an toàn cho cô và trẻ trong phạm vi nhà trường.

Nhà trường luôn thực hiện chính sách công bằng với GV, nhân viên và trẻ, mọi trẻ đều được CSGD như nhau không phân biệt hay thiên vị giữa các trẻ. GV không có hành vi bạo lực đối với trẻ, không có hiện tượng vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. 100% CBGVNV nhà trường luôn ý thức với công việc được giao, yêu nghề, mến trẻ và đặc biệt được phòng GD&ĐT quận Hà Đông bồi dưỡng những kiến thức rất bổ ích về đạo đức nhà giáo nên mỗi CBGVNV càng thấm sâu hơn về đạo đức nghề nghiệp. Chính vì vậy tuyệt đối không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực học đường xảy ra trong nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho 100% CBGVNV và trẻ thực hiện các phương án về đảm bảo an ninh trật tự; PCTNTT; VSATTP; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống bạo lực học đường; phòng, chống thảm họa thiên tai. Với phương án phòng cháy chữa cháy, nhà trường triển khai tổ chức tập huấn lý thuyết và thực hành cho 100% đội ngũ CBGVNV trong nhà trường theo từng năm học [H1-1.7-01]. Chỉ đạo tổ chuyên môn đưa nội dung giáo dục kỹ năng phòng, chống cháy nổ vào hoạt động GD trẻ. Bên cạnh việc triển khai trực tiếp nhà trường còn tuyên truyền các nội dung qua bản tuyên truyền tại phòng y tế và gửi các nhóm, lớp để tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh học sinh cùng thực hiện [H1-1.10-10]. Việc mời đơn vị PCCC tổ chức thực hành, diễn tập kỹ năng thoát hiểm khi xảy ra cháy nổ chỉ thực hiện được mỗi năm một lần do kinh phí nhà trường còn hạn chế.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá và xử lý các thông tin như: bao quát hành vi của GV, nhân viên: giờ đón, trả trẻ, giờ ăn, giờ ngủ và các hoạt động khác trong ngày tuyệt đối cấm các hành động, hành vi liên quan đến bạo lực học đường, đồng thời BGH luôn quan sát, lắng nghe, nắm bắt và có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời [H1-1.10-11]. Đối với nhân viên bảo vệ có lịch phân ca trực rõ ràng, thực hiện các nhiệm vụ đúng theo hợp đồng ký kết. Tuy nhiên, do kinh phí có hạn nên nhà trường chỉ thuê 01 Bảo vệ trông đêm và giờ đón trẻ, trả trẻ, có sổ nhật ký theo dõi hằng ngày được cập nhật đầy đủ, kịp thời [H1-1.10-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh ATTP, an toàn PCTNTT, an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn phòng chống thảm họa thiên tai, phòng dịch bệnh... Các kế hoạch, phương án được nhà trường triển khai, hướng dẫn thực hiện tới 100% CBGVNV. Bếp ăn nhà trường được công nhận bếp ăn đủ điều kiện vệ sinh ATTP. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập thông tin liên quan đến bạo lực học đường. Trong nhiều năm qua nhà trường không có CBGVNV vi phạm quy định về bạo lực học đường và luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi tham gia học tập tại trường. Nhà trường đã mời công an PCCC về tập huấn công tác PCCC cho 100% CBGVNV trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác PCCC của nhà trường chưa được nghiệm thu, nhà trường không có bể chứa nước, máy bơm, vòi rồng ... do nhà trường không có kinh phí để mua sắm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
----------	-----------------	-----------	---------------------

Triển khai có hiệu quả phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn PCTNTT; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Đảm bảo công tác VSATTP trong nhà trường. Tăng cường tổ chức cho CBGVNV luyện tập phương án PCCC, an toàn phòng chống thảm họa thiên tai.	BGH, GV và nhân viên toàn trường.	Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo.	Nhà trường tiếp tục xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn PCTNTT; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường có tính khả thi và mang lại hiệu quả cao. Nhà trường tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức tới 100% CBGVNV; cử 100% các nhân viên nuôi tham gia các lớp tập huấn kiến thức đảm bảo VSATTP. Xây dựng kế hoạch giáo dục đưa nội dung thực tập các phương án PCCC, phòng chống thiên tai vào các hoạt động của trẻ. Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư cho nhà trường hệ thống phương tiện chữa cháy.
---	-----------------------------------	---	---

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt	

Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Trường Mầm non Hòa Bình có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, cơ cấu tổ chức bộ máy, có số lượng phòng, nhóm lớp theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Trường có Hội đồng trường và các Hội đồng khác theo quy định. Các hội đồng hoạt động có hiệu quả và thực hiện tốt vai trò nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và CSGD trẻ trong toàn trường. Hội đồng trường tổ chức được các cuộc họp theo đúng thời gian quy định. Nhà trường có Chi bộ đảng, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Chi hội chữ thập đỏ theo quy định. Các đoàn thể đóng góp tích

cực cho các hoạt động của nhà trường. Nhà trường có đủ cơ cấu cán bộ quản lý Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định. 100% trẻ được ăn bán trú và học 02 buổi/ ngày. Mọi hoạt động của nhà trường đều có kế hoạch chỉ đạo theo tuần, tháng, năm học và 100% CBGVNV nghiêm túc thực hiện đúng theo kế hoạch đã xây dựng. Công tác đánh giá CBGVNV của nhà trường được thực hiện nghiêm túc, công khai, dân chủ, công bằng. CBGVNV yên tâm công tác, tích cực phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Nhà trường xây dựng và thực hiện hiệu quả các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, VSATTP, an toàn PCTNTT, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống, thảm họa thiên tai; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường. Vì vậy nhà trường quyết tâm không để xảy ra mất an toàn cho cô và trẻ. Bên cạnh những kết quả đã đạt được nhà trường vẫn còn một số hạn chế như: Ban TTND, BCH Công đoàn còn kiêm nhiệm nên việc thực hiện các biện pháp, cơ chế giám sát còn chưa đảm bảo thời gian theo kế hoạch; nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ còn chưa phong phú; nhận xét đánh giá còn chung chung mang tính chất cào bằng tổ chưa chỉ ra những hạn chế, việc chưa làm được của từng cá nhân. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Đánh giá: Tiêu chuẩn 1

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 10/10 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/10 tiêu chí;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 9/10 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 1/10 tiêu chí;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 02/05 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 03/05 tiêu chí

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà trường có thâm niên công tác lâu năm trong ngành, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, có các văn bằng chứng chỉ theo quy định. Đội ngũ GV và nhân viên đảm bảo đủ số lượng theo quy định. 100% CBGVNV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn trở lên, CBGVNV có kinh nghiệm, đạo đức tốt đáp ứng các điều kiện chăm sóc GD trẻ. Với tấm lòng yêu nghề mến trẻ, đội ngũ CBGVNV nhà trường luôn tích cực học tập bồi dưỡng chuyên môn, đoàn kết, nhất trí, năng động, sáng tạo hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Hằng năm, đội ngũ CBGVNV nhà trường được đánh giá, xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp GVMN. 100% trẻ tham gia học tập tại nhà trường được đảm bảo các điều kiện phát triển toàn diện theo quy định của các cấp quản lý chuyên môn.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đồng chí Nguyễn Thị Luyến - Hiệu trưởng nhà trường có thời gian công tác liên tục trong cấp học mầm non là 27 năm. Đồng chí Đặng Thị Vân Vi-Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn ND đã có thời gian công tác liên tục trong ngành là 36 năm. Đồng chí Phùng Thị Huyền Hạnh - Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn GD có thời gian công tác trong ngành là 15 năm. Các đồng chí đều có bằng Đại học sư phạm chuyên ngành mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị và có các chứng chỉ quản lý nhà nước, quản lý GD đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, trong đó có đồng chí Hiệu trưởng có bằng Thạc sĩ QLKG [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng hằng năm đều được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng theo thông tư 17/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực hiện tự đánh giá năm 2023-2024 theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 Thông tư ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non thay thế Thông tư 17/2011. Kết quả đánh giá năm học 2023-2024 của Hiệu trưởng đạt mức tốt và đồng chí Đặng Thị Vân Vi đạt mức Khá và đồng chí Phùng Thị Huyền Hạnh đạt mức Khá. [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Hằng năm cả ba đồng chí cán bộ quản lý đều được tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ quản lý GD (quy định tại khoản 4 Điều 29 Điều lệ trường mầm non): Bồi dưỡng chính trị, bồi dưỡng về quản lý GD, bồi dưỡng thường xuyên do UBND quận, Sở GD&ĐT Hà Nội, Phòng GD&ĐT quận Hà Đông tổ chức [H2-2.1-05].

Mức 2:

Thực hiện đánh giá theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT Hà Nội về đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trường mầm non, Năm học 2023-2024 đồng chí Hiệu trưởng đạt mức tốt và 02 đồng chí phó hiệu trưởng đạt mức Khá. Tuy nhiên, khả năng sử dụng ngoại ngữ của BGH còn hạn chế [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Hằng năm Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị vào dịp hè và trong năm học. Đồng chí Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đều là những cán bộ quản lý gương mẫu, có phẩm chất đạo đức tốt được CBGVNV trong trường tín nhiệm [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhà trường đều đạt mức tốt và khá, năm học 2023-2024 đồng chí Hiệu trưởng đạt mức tốt và 02 đồng chí phó hiệu trưởng đạt mức Khá. [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều đạt tiêu chuẩn theo quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có bằng đại học sư phạm chuyên ngành mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị và các chứng chỉ quản lý nhà nước, quản lý GD. Đồng chí Hiệu trưởng có bằng Thạc sĩ QLGD. Cả 03 đồng chí đều được đánh giá đạt chuẩn trở lên. Trong 05 năm liên tiếp, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt và khá. Tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị.

3. Điểm yếu

Khả năng sử dụng ngoại ngữ của BGH còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
BGH nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh.	BGH nhà trường.	Năm học 2025-2026	BGH nhà trường tích cực phát huy khả năng tự học của bản thân, chủ động nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng kiến thức về môn Tiếng Anh. Tham gia một số lớp học tập trung ngoài giờ để nâng cao trình độ ngoại ngữ và sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp. BGH xây dựng mục tiêu học tập trong năm học 2025-2026.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**Mức 1:**

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hiện có 18 GV/09 nhóm, lớp thực hiện công tác CSGD trẻ. Theo quy định về số GV đảm bảo mức định biên theo Thông tư liên tịch số 06/ 2015/TTLT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT-BNV về việc hướng dẫn mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở GDMN công lập: cụ thể nhóm nhà trẻ 24-36 tháng có 02 giáo viên 01/nhóm đạt 02 GV/nhóm trẻ; khối mẫu giáo có 16 GV/8 lớp đạt 02 GV/lớp. Nhà trường phân công bố trí phù hợp theo trình độ, năng lực của từng GV để đảm bảo tổ chức và thực hiện tốt chương trình GDMN theo đúng quy định [H2-2.2-01].

100% GV của nhà trường đạt trình độ chuẩn về đào tạo theo đúng quy định, trong đó trên chuẩn 18/18 đồng chí đạt tỷ lệ 100% [H2-2.2-02]; [H2-2.2-03].

100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên cụ thể: Thực hiện đánh giá theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2023-2024 kết quả xếp loại Tốt 22.2%, khá 77.8%. [H1-1.4-09].

Mức 2:

Để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Giữ vững và duy trì số lượng giáo viên đạt trên chuẩn [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02]; [H1-1.1-04].

Căn cứ theo chuẩn nghề nghiệp GV mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành hằng năm nhà trường đã tiến hành đánh giá và có biên bản lưu giữ theo đúng quy trình, quy định; kết quả xếp loại: Liên tiếp trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên và đảm bảo trên 60% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên cụ thể như sau: Năm học 2023-2024 thực hiện đánh giá theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết quả xếp loại Tốt 22.2%, khá 77.8%. [H1-1.4-09].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-04].

Mức 3:

18/18 giáo viên của nhà trường đạt trình độ trên chuẩn về đào tạo đạt tỷ lệ 100% [H2-2.2-01]; [H1-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng đội ngũ GV đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 06/2015-TTLT-BBGD&ĐT-BNV. 18/18 GV đạt chuẩn trình độ đào tạo trên chuẩn đạt 100%. Trong năm, nhà trường có đa số GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá, GV đạt chuẩn nghề nghiệp mức đạt không có. Trong 5 năm tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Bồi dưỡng, tập huấn, tạo điều kiện cho đội ngũ GV được học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng trình độ trên chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ và đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV hằng năm.	BGH và giáo viên các tổ chuyên môn GD.	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.	BGH nhà trường động viên, khuyến khích, tạo mọi điều kiện để GV tham gia học tập các lớp bồi dưỡng LLCT, chuyên môn nghiệp vụ, phấn đấu đến năm 2026 động viên 01 đồng chí Phó hiệu trưởng tham gia lớp cao học QLGD để nâng cao trình độ. Nhà trường chỉ đạo bộ phận chuyên môn tích cực bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho GV đồng thời tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu trong tiêu chí đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV mầm non quy định tại

			Thông tư 26, hướng dẫn số 5569/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 ban hành quy định chuẩn GV mầm non.
--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TT-BGDĐT-BNV, ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập, nhà trường còn thiếu nhân viên Y tế. Hiện tại nhà trường chỉ có 01 nhân viên kế toán kiêm nhiệm công tác văn thư; nhà trường

trung tập 01 nhân viên nuôi dưỡng lên phụ trách công tác Y tế học đường và kiêm thủ quỹ [H1-1.4-05].

Mặc dù nhân viên làm công tác kiêm nhiệm nhưng được nhà trường tạo điều kiện cho đi tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác kiêm nhiệm tại các trường bạn và các lớp do cáo quận và cấp phòng giáo dục tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác của bản thân như: Nhân viên nuôi dưỡng thực hiện nhiệm vụ chế biến món ăn cho trẻ; nhân viên kế toán thực hiện các nhiệm vụ về công tác tài chính, thu chi, thực hiện chế độ chính sách của CBGVNV và học sinh, kế toán kiêm văn thư thực hiện nhận, gửi và lưu công văn đi, đến, làm báo cáo và gửi báo cáo, gửi công văn liên quan đến nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập trên địa bàn phường được phân công phụ trách; nhân viên y tế đảm nhiệm công tác vệ sinh môi trường và nhiệm vụ y tế học đường, y tế kiêm thủ quỹ thu và thanh toán tiền ăn, cập nhật sổ quỹ tiền mặt; nhân viên lao công hàng ngày làm vệ sinh khu vực trường sạch sẽ; bảo vệ trực giờ đón trẻ, trả trẻ và ban đêm đảm bảo an ninh, an toàn tài sản trong trường. [H1-1.4-05].

Nhân viên nhà trường thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo Quy định, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của nhân viên và có đánh giá, xếp loại hằng năm. Kết quả, đội ngũ nhân viên luôn được đánh giá xếp loại mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. [H2-2.2-03].

Mức 2:

Nhà trường còn thiếu số lượng nhân viên đảm bảo theo quy định cụ thể có: 06 nhân viên nuôi dưỡng, do nhà trường không có nhân viên Y tế nên nhà trường đã trung tập 01 đồng chí nhân viên nuôi dưỡng lên làm nhiệm vụ Y tế kiêm thủ quỹ, 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư, 01 nhân viên bảo vệ để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-1.4-05].

Đội ngũ nhân viên luôn nhiệt tình, trách nhiệm với công việc và luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên nào bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03].

Mức 3:

100% nhân viên nhà trường có đầy đủ bằng cấp theo quy định đạt chuẩn yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Nhân viên kế toán có trình độ Đại học về chuyên ngành kế toán. Tuy nhiên nhân viên kế toán kiêm văn thư chưa có trình độ về công tác văn thư lưu trữ nên một số nội dung, thể thức văn bản còn hạn chế. Có 06 nhân viên trong tổ nuôi dưỡng, trong đó có 02 nhân viên có bằng Trung cấp nấu ăn, 04 nhân viên có trình độ cao đẳng nấu ăn, trong đó có 01 nhân viên có bằng kế toán nhà trường phân công phụ trách y tế kiêm thủ quỹ [H2-2.2-02]; [H2-2.2-03].

Hằng năm, đội ngũ nhân viên nuôi dưỡng, nhân viên y tế, kế toán của nhà trường được BGH tạo điều kiện để tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm do phòng GD&ĐT quận Hà Đông tổ chức. Đầu năm học, đội ngũ nhân viên nuôi dưỡng được đi tập huấn về công tác VSATTP trong chế biến món ăn cho trẻ, được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận của Trung tâm y tế quận Hà Đông. Nhân viên kế toán được tham gia bồi dưỡng về nghiệp vụ kế toán, ứng dụng các phần mềm; nhân viên Y tế được tập huấn công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh nhân viên bảo vệ được tập huấn Phòng cháy chữa cháy và an ninh an toàn trường học [H2-2.3-02]; [H2-2.3-01].

2. Điểm mạnh

100% đội ngũ nhân viên nuôi dưỡng, nhân viên kế toán và nhân viên y tế có trình độ đạt chuẩn trong đó trên chuẩn là 66,6 %. Đội ngũ nhân viên luôn nhiệt tình, trách nhiệm với công việc và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhân viên kế toán kiêm văn thư chưa có trình độ chuẩn đào tạo về công tác văn thư lưu trữ nên nghiệp vụ còn hạn chế.

Không có nhân viên y tế mà phải làm công tác kiêm nhiệm

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Đề xuất tuyển mới nhân viên văn thư có trình độ chuẩn về công tác văn thư lưu trữ và tạo điều kiện cho nhân viên kiêm văn thư được tham gia lớp học để có trình độ chuẩn công tác văn thư, lưu trữ theo quy định. Đề xuất tuyển mới nhân viên y tế có trình độ chuẩn.	BGH và nhân viên kiêm văn thư.	Năm học 2025-2026.	Nhà trường tiếp tục đề xuất với UBND quận, phòng GD&ĐT quận Hà Đông bổ sung nhân viên văn thư và nhân viên y tế cho nhà trường để công tác văn thư, lưu trữ và công tác y tế của nhà trường được đảm bảo hơn. Trong thời gian chưa có nhân viên văn thư, nhân viên Y tế nhà trường tạo điều kiện cho nhân viên kiêm nhiệm văn thư tham gia khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ Y tế, văn thư, lưu trữ đảm bảo các công việc theo vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, GV, nhân viên đủ về số lượng, đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường mầm non. BGH có thâm niên công tác lâu năm trong ngành, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo điều hành quản lý tốt các hoạt động của nhà trường được giáo viên, nhân viên tin nhiệm. Đội ngũ GV, nhân viên nhiệt tình, sáng tạo, tâm huyết với nghề, tích cực tự học tập bồi dưỡng chuyên môn nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Nội bộ nhà trường đoàn kết, luôn thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao, không có CBGVNV vi phạm bị kỷ luật. Nhà

trường luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho CBGVNV tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao, các đồng chí GV đã có sự vận dụng sáng tạo, có hiệu quả các phương pháp GD và ứng dụng CNTT trong việc tổ chức các hoạt động của cô và trẻ. CBGVNV được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành. Công đoàn nhà trường luôn theo sát đời sống của chị em, có những đóng góp, tham mưu đảm bảo quyền lợi cho CBGVNV theo Quy định của pháp luật, quy chế của nhà trường. Vì vậy 100% giáo viên trong trường đều yên tâm công tác. Tuy nhiên, khả năng sử dụng ngoại ngữ của BGH còn hạn chế. Nhân viên kiêm văn thư chưa đảm bảo đúng chuyên môn văn thư lưu trữ, nhân viên nuôi dưỡng kiêm Y tế chưa đảm bảo đúng chuyên môn Y tế.

Đánh giá: Tiêu chuẩn 2

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 03/03 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/03 tiêu chí;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 03/03 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 3/03 tiêu chí;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 03/03 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/03 tiêu chí;

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường mầm non Hòa Bình có tổng diện tích đất là 2.174m²; trường được quy hoạch gọn gàng, có khuôn viên riêng biệt, có tường bao, cổng trường, biển tên trường, đảm bảo đáp ứng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn cho trẻ. Nhà trường có sân vườn, khu vui chơi, có phòng sinh hoạt chung kết hợp phòng ngủ, hiên chơi đảm bảo yêu cầu. Nhà trường có phòng đa chức năng, nhà vệ sinh, bếp ăn phù hợp với yêu cầu thiết kế trường mầm non. Nhà trường có khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo yêu cầu. Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN do bộ GD&ĐT ban hành.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

- a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;
- b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;
- c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khuôn với tổng diện tích đất 2.174m^2 ; diện tích sàn sử dụng là $2.360\text{m}^2/390$ học sinh đạt $6,05\text{ m}^2/\text{trẻ}$. Đối chiếu thiếu chỉ tiêu so với quy định tại khoản 3 điều 5 của thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT [H3-3.1-01].

Nhà trường có cổng trường, có biển tên trường được thiết kế đúng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02]. Tường có hàng rào bao quanh, các khu vực trong và ngoài nhà trường được bố trí, sắp xếp khoa học, gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ trong mọi hoạt động [H3-3.1-03].

Nhà trường có sân chơi rộng rãi, thoáng mát được quy hoạch, thiết kế phù hợp với trường mầm non. Sân chơi của trẻ ở giữa các khu lớp học đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ vui chơi và hoạt động. Khu vực các hiên chơi, hành lang của các lớp đảm bảo diện tích, bố trí các đồ dùng sắp xếp khoa học thuận tiện cho trẻ trải nghiệm [H3-3.1-01]. Trong sân trường và khu vực sân chơi bao quanh các lớp học trồng nhiều cây xanh tỏa bóng mát, nhiều cây ăn quả tạo điều kiện cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập [H3-3.1-03].

Mức 2:

Tổng diện tích xây dựng công trình của nhà trường 2.174m^2 . Trong đó, diện tích đất xây dựng công trình là 1180m^2 và diện tích sân vườn 354m^2 chưa đảm bảo theo quy định tại thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Diện tích đất giao thông, sân chơi, cây xanh là 640m^2 tỷ lệ 29,4% chưa đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01].

Nhà trường có khuôn viên rộng, có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Nhà trường còn có sân chơi riêng cho các nhóm, lớp ở khu vực giữa và xung quanh sân trường. Xung quanh trường có nhiều cây xanh như: cây Bưởi, cây Vĩ sữa, cây Phượng, cây Xoài, cây lộc vừng, cây Nhãn... cho ăn quả và tạo bóng mát cho sân trường. Nhà trường phân công 01 nhân viên lao công thường xuyên chăm sóc, cắt tỉa đẹp. Thẳng cổng trường phía bên phải là khu vực vườn rau trồng các loại rau xanh; ngoài ra còn có chậu trồng các loại cây hoa, cây cảnh. Qua các hoạt động ngoài trời, GV dạy trẻ cách bảo vệ, chăm sóc cây xanh, tạo cơ hội giúp trẻ học tập

và tích lũy kiến thức thông qua hoạt động khám phá môi trường xung quanh [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Nhà trường có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục quy định tại thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GD&ĐT ban hành [H1-1.4-13]. Nhà trường không có hệ thống hồ, ao nên đảm bảo an toàn tuyệt đối cho 100% trẻ trong nhà trường [H3-3.1-01]. Tuy nhiên, một số đồ dùng, đồ chơi ngoài trời đã sử dụng lâu nên tính thẩm mỹ hạn chế.

Mức 3:

Nhà trường có 01 khu riêng cho GV tổ chức các hoạt động GD thể chất cho trẻ. Khu vực thể chất có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành như: Bộ đồ chơi liên hoàn, bộ đồ chơi leo núi xích đu, cầu trượt đơn, thang leo, nhà chòi...Ngoài ra, nhà trường có bổ sung một số thiết bị đồ chơi tự làm phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ khi tham gia chơi [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích sàn sử dụng 2.360 m²/390 trẻ đạt tỷ lệ bình quân 6.05 m²/trẻ thiếu so với quy định (quy định 10 m²/trẻ), có khuôn viên riêng biệt thiết kế đúng quy định. Công trường được xây kiên cố, được thiết kế đúng quy định, có tường rào ngăn cách với bên ngoài. Khuôn viên của nhà trường rộng, có nhiều cây xanh tạo bóng mát trong vườn trường, có vườn cây, vườn rau cho trẻ chăm sóc và khám phá học tập hằng ngày. Có đủ các thiết bị, đồ chơi ngoài trời trong và ngoài danh mục theo quy định, đảm bảo an toàn cho trẻ khi sử dụng.

3. Điểm yếu

Nhà trường có khuôn với tổng diện tích đất 2.174m²; diện tích sàn sử dụng là 2,360m²/390 học sinh đạt 6,05 m²/trẻ. Đối chiếu thiếu chỉ tiêu so với quy định tại khoản 3 điều 5 của thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT

Không các các phòng học hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn và ngoại khóa

Trường học được xây dựng lâu năm nên đã cũ và xuống cấp, nhà trường thường xuyên sửa chữa nhưng hiệu quả sử dụng không cao

Một số đồ dùng, đồ chơi ngoài trời đã sử dụng lâu nên tính thẩm mỹ hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Xây dựng kế hoạch bổ sung mua sắm, thay thế một số đồ dùng đã sử dụng lâu năm và thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa để nâng cao độ bền.	BGH và nhân viên kế toán.	Năm 2025-2026 và những năm tiếp theo	Nhà trường căn cứ nguồn ngân sách Nhà nước cấp xây dựng dự toán cải tạo CSVC từ đó xây dựng kế hoạch sửa chữa, sơn lại tường nhà các phòng học, phòng chức năng cho mới. Làm tốt công tác xã hội hóa phụ huynh học sinh trong việc

			xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo mở rộng mạng lưới trường lớp, cụ thể xây mới trường mầm non Hòa Bình ra khu đất vườn cây Bác Hồ cuối tổ 14, phường Yên Nghĩa.
--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Không đạt	a	Không đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt Mức: 2

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 09 phòng học cho 01 nhóm trẻ và 08 lớp mẫu giáo, được đảm bảo

tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi như: 01 nhóm trẻ (24-36 tháng tuổi), 02 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.5-01]; [H3-3.1-01].

Nhà trường có 09 phòng sinh hoạt chung đồng thời cũng là phòng ngủ diện tích bình quân $0,9m^2$ /trẻ thiếu so với quy định (Mục 5.2.5 yêu cầu thiết kế trường mầm non, tiêu chuẩn quốc gia). Đa số phòng học đảm bảo đủ ánh sáng tự nhiên, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng CSGD trẻ; nhà trường có 01 phòng đa chức năng sử dụng chung cho hoạt động ngoại khóa. Phòng có đủ các thiết bị cho trẻ tham gia phát triển vận động và nghệ thuật: Cột bóng rổ, vòng thể dục, ghế thể dục, cổng chui..., gương múa, gióng múa, đàn organ, trang phục cho cô và trẻ, các đạo cụ biểu diễn... [H3-3.1-01]; [H1-1.4-13].

Các phòng sinh hoạt chung cho trẻ đều có đầy đủ hệ thống đèn chiếu sáng học đường, hệ thống quạt trần, máy điều hòa đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho trẻ trong mỗi nhóm, lớp. 100% nhóm lớp có đủ tủ để hồ sơ, thiết bị dạy học như: bàn ghế, tủ để đồ dùng, đồ chơi, tài liệu cho GV và trẻ, tất cả đều đảm bảo đúng quy cách [H1-1.4-13].

Mức 2:

Hiện tại, nhà trường có 09 phòng sinh hoạt chung và cũng là phòng tổ chức cho trẻ ngủ, có 01 phòng đa chức năng. Diện tích các phòng còn chật hẹp, không có phòng kho, đối chiếu theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT chưa đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01].

Phòng đa chức năng và 09 nhóm, lớp trong nhà trường có đầy đủ tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ; tủ đựng chăn, màn, gối; tủ đựng tài liệu; kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng cho cô và trẻ. Các lớp sắp xếp hệ thống tủ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng tài liệu hợp lý, xung quanh lớp và các góc chơi của trẻ, đảm bảo thuận tiện cho cô và trẻ khi sử dụng. Các tủ đồ chơi, giá để tài liệu được kê sát tường, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, không ảnh hưởng đến các lối đi lại di chuyển cho trẻ trong lớp và xung quanh các khu vực góc chơi đảm bảo an toàn với trẻ [H1-1.4-13]; [H3-3.2-01].

Mức 3:

Nhà trường có 01 phòng đa chức năng có diện tích $40m^2$ để tổ chức các hoạt động ngoại khóa và để tổ chức các hoạt động âm nhạc cho trẻ; Phòng được trang bị một số thiết bị cho trẻ hoạt động như: đàn organ, dụng cụ trang phục biểu diễn, máy tính, ti vi, loa, bàn ghế, lịch hoạt động. Tuy nhiên một số thiết bị như Đàn organ mua sắm lâu năm nên sử dụng hay bị lỗi, hỏng.[H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 09 phòng sinh hoạt chung đồng thời cũng là phòng ăn ngủ tương ứng với 09 nhóm, lớp. Các phòng học được lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng học đường, hệ thống quạt trần, quạt treo tường, điều hòa đảm bảo cho mỗi nhóm, lớp sử dụng khi cần và được trang bị hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng, trong mỗi nhóm, lớp có đủ trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho cô và trẻ theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ và tin học, mà nhà trường sử dụng kết hợp phòng nghệ thuật để tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với ngoại ngữ

Một số trang thiết bị như Đàn organ mua sắm lâu năm nên sử dụng hay bị lỗi, hỏng

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Đầu tư trang thiết bị phòng đa chức năng đồng bộ, hiện đại.	BGH và nhân viên kế toán.	Năm 2025-2026 và những năm tiếp theo	Tích cực tham mưu các cấp lãnh đạo mở rộng mạng lưới trường lớp, đầu tư thiết bị mới thay thế một số thiết bị đã cũ. tiếp tục phân công sắp xếp lịch hoạt động luân phiên các lớp cho trẻ tham gia tại phòng đa chức năng phù hợp; thường xuyên đôn đốc nhắc nhở, kiểm tra, rà soát thiết bị điện, có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thay thế, bổ sung kịp thời; hướng dẫn GVNV sử dụng, khai thác có hiệu quả các đồ dùng, thiết bị trong phòng đa chức năng.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Không đạt	*	Không đạt
b	Không đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại phòng đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 gồm có: 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Phó hiệu trưởng; 01 Văn phòng; 01 phòng Y tế; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng dành cho nhân viên; 01 nhà để xe; 04 phòng vệ sinh cho CBGVNV [H3-3.1-01].

Các phòng có đầy đủ các trang thiết bị tối thiểu theo quy định như: phòng Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có đầy đủ các phương tiện làm việc và bàn ghế tiếp khách; các khối phòng hành chính, quản trị có đầy đủ các bảng biểu cần thiết; có tủ, bàn ghế họp, tiếp khách; có máy tính và các phương tiện làm việc [H1-1.4-13]; phòng y tế có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có bảng theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ; có biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ cân nặng cao hơn so với độ tuổi; có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ [H3-3.3-01]. Phòng bảo vệ có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách. Phòng dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân [H1-1.4-13].

Nhà trường có 01 khu để xe cho CBGVNV với diện tích 68 m², được bố trí hợp lý ở phía bên cạnh sân trường, sau nhà bảo vệ, cách chỗ vui chơi của trẻ. Khu để xe có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.3-02].

Mức 2:

Các khối phòng hành chính quản trị của nhà trường có diện tích đảm bảo so với quy định. Cụ thể diện tích các phòng như sau: phòng Hiệu trưởng 18m²; 01 phòng Phó hiệu trưởng 18 m²; Văn phòng trường 65m²; phòng hành chính quản trị 18m²; phòng bảo vệ 07m²; phòng y tế 18m²; phòng dành cho nhân viên 09m² [H3-3.1-01].

Nhà trường có khu để xe cho cán bộ quản lý, GV, nhân viên với diện tích 68m² được bố trí hợp lý và có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi cho việc cất, lấy xe đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01]; [H3-3.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đủ các phòng: Văn phòng trường, phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, các phòng đều có diện tích đủ so với quy định, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia tại mục 5.5.1 TCNV 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các khối phòng hành chính quản trị theo quy định, có diện tích đủ so với quy định, tất cả các phòng, ban đều được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho hoạt động, được bố trí phù hợp, hài hòa, thuận tiện cho việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Nhà để xe cho CBGVNV có mái che, được bố trí sắp xếp hợp lý, thuận tiện khi sử dụng và đảm bảo an ninh trật tự.

3. Điểm yếu

Phòng Nhân viên là phòng tận dụng và có diện tích nhỏ hơn so với quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
----------	-----------------	-----------	---------------------

Thực hiện tốt công tác rà soát, sửa chữa CSVC hằng năm để đáp ứng với nhu cầu sử dụng của đội ngũ CBGVNV trong nhà trường.	BGH và nhân viên kế toán.	Năm 2025-2026 và những năm tiếp theo	Nhà trường có biện pháp chỉ đạo CBGVNV duy trì sử dụng tốt, có hiệu quả các phòng, ban trong nhà trường theo đúng chức năng đã thực hiện. BGH chỉ đạo thành viên phụ trách các bộ phận thường xuyên kiểm tra các phương tiện làm việc. Định kỳ kiểm kê tài sản hằng năm và có kế hoạch mua sắm bổ sung, đầu tư trang thiết bị cho các khối phòng. Tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo, mở rộng thêm mạng lưới trường lớp đáp ứng với yêu cầu ngày càng phát triển hiện nay.
--	---------------------------	--------------------------------------	---

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Không đạt	-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng kiên cố, đảm bảo vận hành theo quy trình bếp một chiều thiết kế khoa học và phù hợp với trẻ [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

Kho thực phẩm được sắp xếp ngăn nắp, được phân chia riêng biệt kho để thực phẩm khô cho cháu và cho cô riêng. Các loại thực phẩm hàng kho được bảo quản trong tủ mát riêng biệt và có dán nhãn mác tên thực phẩm bên ngoài theo từng loại, được sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện cho việc xuất, nhập kho, riêng gạo được để trong thùng tôn có nắp đậy kín, có hệ thống lưới chống côn trùng, đảm bảo các quy định về VSATTP [H3-3.4-02].

Bếp ăn của trường có 01 tủ lạnh lưu mẫu thức ăn và một tủ bảo quản sữa chua, sữa uống lên men có nhiệt kế theo dõi nhiệt độ lưu mẫu thức ăn hằng ngày. Trong tủ lạnh có phân chia khu vực để thực phẩm chín và thực phẩm sống riêng đảm bảo vệ sinh và chất lượng thực phẩm lưu [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường có diện tích đảm bảo theo quy định. Các khu vực của bếp được thiết kế và vận hành theo quy trình bếp một chiều, đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, gồm có: khu sơ chế, khu chế biến nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền bếp ăn một chiều [H3-3.4-01]. Nhà trường có 1 bếp ăn, đặt tại tầng 1, có hệ thống điện chiếu sáng và lưới chắn côn trùng. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường, các thiết bị, đồ dùng dụng cụ nhà bếp hiện đại, đảm bảo VSATTP: tủ sấy bát, tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn của trẻ ăn bán trú, các dụng cụ nấu ăn và chia ăn, cân thực phẩm, các bảng biểu...[H1-1.4-13]; [H3-3.4-01]. Việc xử lý rác thải được nhà trường thực hiện đúng quy định, tất cả các thùng rác đều có nắp đậy, được thu gom hằng ngày sạch sẽ đảm bảo vệ sinh. Nhà bếp có quy định, nội quy về an toàn PCCC, có hệ thống báo dò rỉ ga. Khu nấu ăn được trang bị đầy đủ bình bột, bình khí chữa cháy đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H3-3.4-06].

Mức 3:

Bếp ăn của nhà trường có tổng diện tích sử dụng là 65m² /390 trẻ đạt bình quân 0,17m²/trẻ chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn, được thiết kế thông thoáng, đủ ánh sáng và độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi của trẻ. Tường, sàn bếp, trần bếp bằng phẳng, ít các khe rãnh, góc cạnh. Hệ thống bàn bếp, dụng cụ, tủ bếp được làm bằng inox thuận tiện cho việc cọ, rửa. Bếp có đủ các trang thiết bị phục vụ cho việc vệ sinh hằng ngày và khử trùng. Các dụng cụ chế biến và đựng thực phẩm bằng inox dễ vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại. Có kho chứa thực phẩm lưu thông không khí, đủ ánh sáng, có cửa sổ lắp hệ thống lưới chống chuột, ruồi, nhặng, gián và các côn trùng có hại. Hệ thống cung cấp nước sạch đầy đủ và chỗ rửa tay với xà phòng phù hợp theo quy định. Dụng cụ chứa rác có nắp đậy và để xa khu vực bếp nên đảm bảo vệ sinh an toàn tuyệt đối. Bếp ăn được sắp xếp theo dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh. Khu sơ chế và chế biến thực phẩm đủ ánh sáng, thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn. Khu chia thức ăn có mở cửa trực tiếp với hành lang chung để tới các phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố độc lập với khối phòng học, sân chơi được thiết kế và vận hành theo quy trình bếp một chiều, có đủ đồ dùng, trang thiết bị phục vụ công tác nuôi dưỡng, các đồ dùng sắp xếp khoa học, đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh,

thuận tiện khi sử dụng. Trong bếp có kho thực phẩm được sắp xếp ngăn nắp và bố trí thành từng khu riêng biệt của cô và của cháu, các loại thực phẩm được để trong các hộp đựng thực phẩm riêng biệt và có dán nhãn mác tên thực phẩm bên ngoài theo từng loại, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn sống, chín riêng của trẻ hằng ngày, đúng quy định.

3. Điểm yếu

Diện tích bếp không đủ so với quy định

Khu sơ chế được cải tạo, coi lối từ phân hành lang nên chưa đảm bảo tính kiên cố

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Khai thác và sử dụng hiệu quả các trang thiết bị, dụng cụ nhà bếp.	Nhân viên nuôi dưỡng.	Năm 2025-2026 và những năm tiếp theo	- Thường xuyên rà soát các tiêu chuẩn về bếp ăn bán trú để có kế hoạch cải tạo CSVC, bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung kịp thời trang thiết bị, dụng cụ nhà bếp đảm bảo chất lượng, an toàn. - Tăng cường tuyên truyền, nhắc nhở nhân viên nuôi dưỡng sử dụng hiệu quả, an toàn các trang thiết bị, dụng cụ nhà bếp. - Nhà trường cân đối nguồn ngân sách đồng thời phối kết hợp với phụ huynh học sinh để tiếp tục cải tạo lại khu sơ chế cho kiên cố hơn

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Không đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Không đạt		Không đạt	

Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Trong các năm học, nhà trường thường xuyên rà soát, kiểm kê và bổ sung định kỳ theo 2 học kỳ/ năm học đầy đủ đồ dùng, thiết bị, đồ chơi cho 100% các nhóm, lớp theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN của Bộ GD&ĐT đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi được sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong các hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ và được bảo quản tốt trong các nhóm, lớp cũng như các khu vực hoạt động khác của nhà trường [H1-1.4-08]; [H1-1.4-13].

Ngoài việc có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 Thông tư ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dành cho trẻ mầm non, nhà trường khuyến khích GV tích cực làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo ngoài danh mục quy định đảm bảo về thẩm mỹ, tính GD, an toàn, phù hợp với lứa tuổi [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, đồ dùng, đồ chơi tự tạo của các nhóm, lớp là vật liệu tái sử dụng, mau hỏng nên thời gian sử dụng không được lâu.

Định kỳ 2 lần/năm học, nhà trường đều có kế hoạch kiểm kê tài sản của trường, lớp vào cuối học kỳ một và cuối năm học [H1-1.4-08]. Nhà trường thống kê lại những danh mục, thiết bị hư hỏng, không sử dụng được để có kế hoạch sửa chữa. Với những đồ dùng còn sử dụng được, trường tiếp tục đưa vào danh mục bàn giao cho các nhóm, lớp, phòng ban sử dụng và bảo quản. Trên cơ sở đó, có kế hoạch sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng thay thế để đảm bảo duy trì chất lượng hoạt động.

Mức 2:

Nhà trường có hệ thống máy tính hiện đại tại các phòng, ban, các nhóm, lớp, được kết nối mạng internet tốc độ cao phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Hệ

thông máy tính, máy in, máy chiếu và các thiết bị điện tử được bảo trì hằng tháng [H3-3.5-02].

09 nhóm, lớp trong nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN cho trẻ từng độ tuổi ở các nhóm, lớp đảm bảo chất lượng để thực hiện chương trình CSGD trẻ [H1-1.4-13].

Hằng năm, nhà trường thường xuyên rà soát, kiểm kê và bổ sung các thiết bị dạy học, đồ chơi cho 100% các nhóm, lớp theo Văn bản hợp nhất 01/VBHN của Bộ GD&ĐT. Bên cạnh đó, nhà trường khuyến khích GV tham gia phong trào làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo làm phong phú thêm nguồn tư liệu, đồ dùng giảng dạy phục vụ công tác chuyên môn trong nhà trường [H1-1.8-03]; [H1-1.4-13].

Mức 3:

100% GV các nhóm, lớp đã làm bổ sung các đồ dùng, đồ chơi tự tạo và đưa vào các hoạt động GD trẻ. Theo yêu cầu đổi mới của ngành GDMN về chú trọng kỹ năng tự phục vụ cho trẻ, đội ngũ GV đã làm thêm rất nhiều các đồ chơi tự tạo để phát triển kỹ năng vận động tinh và khả năng tư duy cho trẻ. Các đồ chơi tự làm được GV khai thác, sử dụng hiệu quả thông qua các hoạt động trong ngày của trẻ và đáp ứng được yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp GD, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ. Cụ thể là các đồ chơi phát triển kỹ năng vận động tinh: khâu, buộc dây giày, tết tóc, đóng mở nắp chai, sử dụng kẹp... Tuy nhiên, các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định số lượng còn chưa nhiều; chưa đảm bảo về chất lượng và độ bền [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trẻ theo quy định. Tích cực, chủ động, linh hoạt trong việc đầu tư, khai thác và sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong hoạt động nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục phong phú, đảm bảo tính GD, an toàn, phù hợp với trẻ. Đội ngũ GV tích cực, sáng tạo trong việc làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo phục vụ các hoạt động GD của cô và trẻ. Công tác quản lý, bảo quản, kiểm kê tài sản được thực hiện nghiêm túc, việc sửa chữa, nâng cấp, bổ sung mới các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời, hiệu quả. 100% máy tính của nhà trường được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự tạo ngoài danh mục của các nhóm, lớp là vật liệu tái sử dụng, mau hỏng nên thời gian sử dụng không được lâu.

Còn 2/9 nhóm lớp máy tính đã bị hỏng nhưng chưa có kinh phí để mua máy mới

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Nhà trường duy trì việc thực hiện khai thác có hiệu	BGH và giáo viên các nhóm, lớp.	Năm 2025-2026 và những năm tiếp theo	Nhà trường tiếp tục tham mưu với lãnh đạo cấp trên huy động sự ủng hộ từ phía các tổ chức, cá nhân trong và ngoài

quả bảo quản tốt các thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có. Nâng cao chất lượng các đồ dùng, đồ chơi tự tạo, ngoài danh mục.			nhà trường để đầu tư thêm đồ dùng, thiết bị. Chỉ đạo GV các nhóm, lớp tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo của cô và trẻ, lựa chọn các nguyên vật liệu bền, chắc chắn để có kế hoạch khai thác, sử dụng hiệu quả. Phát động phong trào làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo trong nhà trường. Cân đối nguồn ngân sách mua bổ sung máy tính cho 02 lớp do bị hỏng
---	--	--	---

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Mỗi phòng nhóm, lớp của trẻ đều có nhà vệ sinh khép kín diện tích mỗi nhà vệ sinh 10m², bình quân 0.38m²/trẻ. Nhà trường có 02 nhà vệ sinh (4 phòng) dành cho CBGVNV tất cả các nhà vệ sinh được chia thành phòng nam, nữ riêng biệt, có đủ các thiết bị vệ sinh như: bồn cầu, vòi rửa tay, xà phòng, bồn tiểu nam, thùng đựng rác...đảm

bảo sạch sẽ, thuận tiện trong quá trình sử dụng. 100% nhà vệ sinh của trẻ và khu vệ sinh của CBGVNV luôn sạch sẽ. Sàn nhà vệ sinh luôn đảm bảo khô, sạch, không trơn trượt, thuận lợi cho trẻ bình thường và trẻ khuyết tật [H3-3.1-01].

Hệ thống cống rãnh thoát nước của nhà trường đi ngầm hợp vệ sinh, được nạo vét, khơi thông thường xuyên. Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch của Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà máy nước Hà Đông để phục vụ cho mọi hoạt động hằng ngày của cô và trẻ. Định kỳ hằng năm, nhà trường thực hiện xét nghiệm kiểm tra chất lượng nguồn nước đều đạt tiêu chuẩn quy định. Nhà trường có 5 téc nước đặt ở trên tầng 2 và cho thau rửa téc nước ngầm 06 tháng/1 lần đảm bảo vệ sinh nước sinh hoạt. Trẻ được uống nước tinh khiết do nhà trường ký hợp đồng với Công ty TNHH Đồ uống Quốc tế Nước uống Lavie đóng bình [H3-3.4-05]; [H3-3.6-01].

Nhà trường có khu vực tập kết rác thải riêng biệt xa khu phòng học của trẻ. Xung quanh sân trường và khu vực tập kết rác, nhà trường đều bố trí các thùng rác lưu động để đội ngũ CBGVNV, trẻ và phụ huynh dễ rác thuận tiện. Nhân viên lao công thu gom rác đều đặn hằng ngày, không có tình trạng rác tồn đọng. Công ty cổ phần tập đoàn Nam Hà Nội thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-02].

Mức 2:

Nhà trường có 09 nhà vệ sinh cho trẻ, mỗi nhà vệ sinh được ngăn làm 02 phòng cho bé trai và bé gái riêng, được xây dựng khép kín với phòng sinh hoạt chung, diện tích mỗi nhà vệ sinh 12m², bình quân 0.3m²/trẻ, thuận tiện cho việc sử dụng, dễ quan sát và có đủ các thiết bị vệ sinh như: vòi rửa tay, bồn cầu, tiểu nam, có vách ngăn khu vệ sinh nam, nữ riêng có kích thước phù hợp với trẻ. Các trang thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với từng độ tuổi. Nhà trường có 02 khu vệ sinh cho CBGVNV với diện tích 12m²/một khu đảm bảo đủ các thiết bị vệ sinh theo quy định. Nhà vệ sinh các lớp, nhà vệ sinh chung của CBGVNV được trang trí cây xanh tạo không gian thân thiện [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt của nhà trường được đi ngầm, thông tắc định kỳ không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Rác thải được phân loại để ở các thùng có nắp đậy, tập trung ở khu vực riêng xa lớp học, bếp ăn và được thu gom hằng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế ban hành [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho CBGVNV được trang trí tạo không gian thân thiện có đủ đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo quy định, thuận tiện khi sử dụng. Khu vệ sinh đảm bảo không bị ô nhiễm môi trường. Nguồn nước uống, nước sinh hoạt đảm bảo hợp vệ sinh được kiểm tra xét nghiệm định kỳ. Hệ thống cống rãnh của nhà trường được đi ngầm, hằng năm được nạo vét, khơi thông đảm bảo an toàn hợp vệ sinh.

3. Điểm yếu

Nhà vệ sinh vách ngăn giữa phòng bé trai và bé gái cao, chưa phù hợp

Chưa có quạt treo tường trong nhà vệ sinh

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Tiếp tục nâng cao chất lượng vệ sinh, môi trường.	CBGVNV	Năm 2025-2026 và những năm tiếp theo	- Tục duy trì mô hình nhà vệ sinh thân thiện; Duy trì việc xét nghiệm mẫu nước ăn, nước sinh hoạt, thau rửa bể nước sinh hoạt, khơi thông cống rãnh đảm bảo vệ sinh. - Tuyên truyền, vận động CBGVNV, CMHS chung tay xây dựng môi trường xanh-sạch- đẹp, an toàn, thân thiện. - Cân đối nguồn ngân sách để cải tạo sửa chữa vách ngăn giữa 02 phòng bé trai, bé gái và mua quạt treo trong nhà vệ sinh

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt	

Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Nhà trường có diện tích, khuôn viên phù hợp với các yêu cầu về thiết kế, đảm bảo đủ theo quy định. Các công trình được xây dựng kiên cố, có đầy đủ biển trường, có tường rào bao quanh, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập. Có nguồn nước sạch, hệ thống cống rãnh đảm bảo hợp vệ sinh. Các khu vực sân chơi được lát gạch và trải cỏ nhân tạo sạch sẽ, an toàn, có nhiều cây xanh tạo bóng mát cho trẻ hoạt động. Hệ thống đồ chơi ngoài trời phong phú đủ chủng loại, đảm bảo an toàn cho trẻ. Hệ thống các phòng sinh hoạt chung của trẻ, các phòng chức năng của nhà trường đều rộng rãi, đủ diện tích theo quy định, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị, CSVC phục vụ công việc, học tập của CBGVNV và trẻ. GV các nhóm lớp tích cực làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo ngoài danh mục đảm bảo an toàn, tính thẩm mỹ đáp ứng yêu cầu đổi mới GD. Các đồ dùng, đồ chơi tự tạo được GV sử dụng và khai thác hiệu quả. Công tác quản lý, rà soát kiểm kê, sửa chữa, thay thế mới những thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đã hỏng được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả đúng quy định. Bên cạnh những điểm mạnh nhà trường còn một số hạn chế tồn tại cần khắc phục như: Nhà trường chưa có đầy đủ thiết bị máy tính cho các lớp, chưa có phòng tin học riêng cho trẻ.

Đánh giá:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 06/06 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/06 tiêu chí;
- Mức 2:
 - + Số lượng tiêu chí đạt 04/06 tiêu chí;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 2/06 tiêu chí;
- Mức 3:
 - + Số lượng tiêu chí đạt 0/05 tiêu chí;
 - + Số lượng tiêu chí không đạt 5/05 tiêu chí;

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Hàng năm, vào đầu năm học mới nhà trường tiến hành họp bầu ra Ban đại diện phụ huynh trường, Ban đại diện phụ huynh các nhóm, lớp và hoạt động theo đúng quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Để góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ, mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trở thành một yêu cầu cấp thiết đòi hỏi nhà trường và các bậc phụ huynh cần phối hợp chặt chẽ trong mọi hoạt động: CSGD trẻ, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác GD. Ban đại diện CMHS và nhà trường đã định kỳ họp để tiến hành xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động xuyên suốt trong từng năm học đưa ra các biện pháp thực hiện kịp thời hiệu quả, điều này đã góp phần không nhỏ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ về mọi mặt. Nhà trường chủ động tham mưu, phối hợp có hiệu quả với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội trong và ngoài trường như: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban đại diện CMHS để có những chế độ, chính sách hỗ trợ phù hợp cũng như huy động sự đầu tư về cơ sở vật chất giúp trẻ được học tập, sinh hoạt trong điều kiện tốt nhất.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Ban đại diện CMHS của trường và các nhóm, lớp thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS tại thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Hằng năm, ngay từ đầu năm học, nhà trường đã triển khai Hội nghị CMHS toàn trường để bầu ra Ban đại diện CMHS của trường được thành lập gồm: 01 trưởng ban, 02 phó ban, 04 ủy viên. Ban đại diện CMHS mỗi nhóm, lớp gồm: 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 ủy viên [H4-4.1-01].

Ban đại diện CMHS nhà trường thường xuyên chủ động lập kế hoạch triển khai hoạt động theo từng năm học, có sự thống nhất của Ban phụ huynh toàn trường đảm bảo đúng theo các quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành. Các kế hoạch hoạt động được xây dựng cụ thể, rõ ràng và được sự phê duyệt của Hiệu trưởng góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ trong nhà trường [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Ban đại diện CMHS đã phối hợp cùng nhà trường và GV chủ nhiệm nhóm, lớp xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tổ chức các hoạt động CSGD theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp CMHS đầu năm học đúng tiến độ [H4-4.1-03].

Mức 2:

Mỗi năm học, nhà trường tổ chức 2 kỳ họp CMHS (đầu năm học, cuối năm học) để thực hiện công khai các văn bản quản lý GD liên quan đến học sinh, CMHS. Đồng thời bàn bạc, trao đổi biện pháp phối kết hợp GD học sinh trong năm học. Ban phụ huynh phối kết hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chung, phổ biến cách chăm sóc và GD đối với cha mẹ trẻ nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, GD học sinh. [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Phối hợp với nhà trường tổ chức các ngày lễ như: Khai giảng năm học mới, ngày 20/10, ngày 20/11, 8/3, Hội thi “Bé khỏe, bé ngoan”, Hội chợ Xuân, Hội thi “Bé kéo tay” Quốc tế thiếu nhi và chia tay trẻ 5 tuổi, Tổng kết năm học...[H4-4.1-05]. Tuy nhiên, công tác phối kết hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS một số nhóm, lớp đôi khi còn chưa đạt kết quả như mong muốn trong việc tổ chức các hoạt động của trẻ trong năm học.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS của trường, lớp được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch cụ thể theo năm học, các hoạt động của Ban đại diện CMHS góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác phối kết hợp giữa nhà trường, Ban đại diện CMHS một số nhóm, lớp đôi khi còn chưa đạt kết quả như mong muốn trong việc tham gia tổ chức các hoạt động của trẻ trong năm học. Công tác tuyên truyền, vận động các ban ngành, đoàn thể trên địa bàn phường ủng hộ, hỗ trợ nhà trường xây dựng CSVC vẫn chưa mạnh mẽ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Nâng cao hiệu quả của Ban đại diện CMHS trong việc phối kết hợp thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.	BGH, GV các nhóm lớp và Ban đại diện CMHS trường, lớp.	Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.	Nhà trường và Ban đại diện CMHS tổ chức tốt hơn công tác phối kết hợp CSGD trẻ. Phát huy những điểm mạnh mà nhà trường đã đạt được Đổi mới các hình thức tuyên truyền với CMHS về chương trình CSGD trẻ cũng như công tác phối hợp ngày hội ngày lễ của trẻ trong năm học.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ

chức, cá nhân xây nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thường xuyên chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương phường Yên Nghĩa về việc phối hợp thực hiện kế hoạch GD từng năm học. Tham mưu về công tác phân tuyến tuyển sinh, tuyên truyền kế hoạch tuyển sinh giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu tuyển sinh, tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện phổ cập GD nhằm huy động 100% trẻ 5 tuổi ra lớp [H4-4.2-01]. Nhà trường tham mưu công tác quản lý các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập thuộc địa bàn được phân công phụ trách, tham mưu về công tác đảm bảo an ninh trật tự trước cổng trường trong thời gian đón và trả học sinh [H4-4.2-02].

Nhà trường đã tuyên truyền CBGVNV, phụ huynh học sinh và cộng đồng hiểu rõ tầm quan trọng và nâng cao nhận thức, trách nhiệm về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành GD, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch GD của nhà trường. Qua các hội nghị giao ban với lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phường Yên Nghĩa. Đề xuất với lãnh đạo địa phương tạo điều kiện để nhà trường xây dựng môi trường GD an toàn và lành mạnh [H1-1.10-11].

Nhà trường đã tích cực tham mưu và làm tốt công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong việc huy động các nguồn lực xây dựng CSVC trong nhà trường như: phối hợp phụ huynh học sinh xây dựng môi trường GD lành mạnh, an toàn cho trẻ, huy động phụ huynh ủng hộ cây xanh, ủng hộ lắp điều hòa, ủng hộ các nguyên vật liệu để giáo viên làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ việc dạy và học của cô và trò... [H4-4.1-04]. Tuy nhiên công tác tuyên truyền, vận động các ban ngành, đoàn thể trên địa bàn phường ủng hộ, hỗ trợ nhà trường xây dựng CSVC vẫn chưa có nhiều hiệu quả.

Mức 2:

BGH nhà trường đã tích cực chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền phường Yên Nghĩa để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong những năm tới: Phần đầu có 50% CBGVNV là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Giữ vững 100% GV đạt trình độ đại học; tham mưu các cấp lãnh đạo mở rộng mạng lưới trường lớp, xây mới trường MN Hòa Bình tại khu đất vườn cây Bác Hồ cuối đường tổ 14 phường Yên Nghĩa phần đầu trường MN đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 2 và chuẩn Quốc gia mức độ 1; xây dựng môi trường GD lấy trẻ làm trung tâm, môi trường trong và ngoài lớp học an toàn, thân thiện, hạnh phúc, đảm bảo tiêu chí xanh - sạch - đẹp. [H4-4.2-02].

Các hoạt động lễ hội, biểu diễn văn nghệ, tổ chức sự kiện được nhà trường phối hợp với ban VHTT, Hội LHPN, Đoàn TNCSHCM và các tổ dân phố trên địa bàn phường Yên Nghĩa xây dựng kế hoạch, tổ chức phù hợp với truyền thống của địa phương. Sau mỗi năm học, BGH nhà trường lại rút kinh nghiệm từ năm học trước để chỉnh sửa, thay thế, bổ sung các nội dung mới cho trẻ được tham gia, được vui chơi một cách hứng thú và tích cực nhất. Trong mỗi năm học, nhà trường đều phối hợp với Ban đại diện CMHS nhà trường tổ chức các hoạt động lễ hội trong năm như: Khai giảng năm học mới, tết Trung thu, kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20-11, Tết Nguyên đán, Tổng kết năm học... Các hoạt động đó đều được tổ chức

thành công và hiệu quả, đảm bảo thời gian theo kế hoạch của nhà trường và phù hợp với truyền thống của địa phương [H4-4.1-05].

Mức 3:

Trường mầm non Hòa Bình đã từng bước khẳng định được vị thế và là địa chỉ đáng tin cậy của các bậc CMHS, nhân dân trên địa bàn phường Yên Nghĩa. Nhà trường đã phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể triển khai các hoạt động như: Phối kết hợp với đội an ninh trật tự tổ dân phố, công an phường trong những ngày tổ chức sự kiện, chống ùn tắc giao thông trước cổng trường, với chi hội phụ nữ tuyên truyền về đảm bảo vệ sinh môi trường, phối hợp với trạm y tế phường tiêm phòng vắc xin chăm sóc sức khỏe trẻ em, với chi đoàn TNCSHCM của tổ dân phố hỗ trợ tổ chức các hoạt động cho trẻ trong các ngày tết Trung thu, lễ hội làng...

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động làm tốt công tác tham mưu, phối hợp tích cực, hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phường Yên Nghĩa và Hội CMHS trong việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, địa phương, của ngành, nhà trường. Huy động các nguồn lực tham gia đóng góp, hỗ trợ, ủng hộ nhà trường về tinh thần, vật chất trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ. Phối kết hợp cùng nhà trường giữ gìn tốt an ninh trật tự, an toàn giao thông, giữ gìn môi trường “sáng-xanh-sạch-đẹp”, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, GD trẻ.

3. Điểm yếu

Công tác tuyên truyền ở một số giáo viên trẻ còn hạn chế do thiếu kỹ năng, kinh nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, tuyên truyền, vận động các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn phường để thực hiện tốt kế hoạch GD và phát triển của nhà trường.	BGH và các tổ trưởng chuyên môn.	Năm 2025-2026 và những năm tiếp theo	Nhà trường chủ động và làm tốt công tác tham mưu, phối kết hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền GD, phối hợp với các ban ngành đoàn thể, phụ huynh học sinh ủng hộ nhà trường về tinh thần, vật chất, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp, lành mạnh và an toàn. Phối hợp chặt chẽ với tổ chức, đoàn thể phường Yên Nghĩa trong các hoạt động tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ. Ban giám hiệu tiếp tục bồi dưỡng hướng dẫn kỹ năng và kinh nghiệm tuyên truyền đối với đội ngũ

			giáo viên trẻ mới vào nghề để làm tốt công tác tuyên truyền.
--	--	--	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Trong những năm học vừa qua, nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu, công tác phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể, sự đồng thuận của phụ huynh, sự nhất trí cao của chính quyền địa phương, sự ủng hộ nhiệt tình của các tổ chức đoàn thể, chính trị trong và ngoài nhà trường đã tạo nên sức mạnh tổng hợp giúp nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị trong thực hiện nhiệm vụ năm học. Đối với địa phương, nhà trường luôn có sự tham mưu phối hợp hiệu quả trong mọi hoạt động, phong trào, mọi lĩnh vực để đảm bảo trật tự, cảnh quan môi trường GD và hoàn thành kế hoạch năm học. Nhà trường thành lập được Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhà trường luôn chủ động phối kết hợp với cha mẹ trẻ để nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch, chủ động tuyên truyền để các bậc phụ huynh biết về các chủ trương, chính sách của cấp trên đối với ngành học GDMN. GV phụ trách các nhóm, lớp thường xuyên trao đổi trực tiếp với CMHS để cùng có biện pháp tốt nhất, phù hợp nhất nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch tham mưu các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể, CMHS trong việc hỗ trợ, động viên về tinh thần, về góp phần xây dựng môi trường “sáng-xanh-sạch-đẹp”, an toàn cho trẻ. Công tác phối kết hợp giữa nhà trường, Ban đại diện CMHS một số nhóm, lớp đôi khi còn chưa đạt kết quả như mong muốn trong việc tham gia tổ chức các hoạt động của trẻ trong năm học.

Đánh giá:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 02/02 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/02 tiêu chí;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 02/02 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/02 tiêu chí;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 02/02 tiêu chí;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0/02 tiêu chí;

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Trường mầm non Hòa Bình luôn xác định kết quả CSGD trẻ là nhiệm vụ chính trị quan trọng là thành quả của việc thực hiện nhiệm vụ GD. Chính vì vậy, trong những năm học qua, nhà trường đã chủ động trong công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn, tích cực trong công tác tham mưu, công tác kết hợp đưa ra các biện pháp GD trẻ mang lại hiệu quả cao. Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ quản lý chỉ đạo công tác chuyên môn, có các biện pháp phù hợp. Không ngừng nâng cao chất lượng GD toàn diện góp phần giúp trẻ đạt được các mục tiêu của Chương trình GDMN. Đó là duy trì vững chắc trẻ phát triển thể chất, thể lực tốt có chiều cao, cân nặng bình thường theo độ tuổi, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng về cân nặng và chiều cao giảm trong mỗi năm học. Trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần; trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tình cảm quan hệ xã hội phù hợp với độ tuổi. Chất lượng GD không ngừng được cải tiến. Cụ thể: trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh, có sự nhạy cảm, có khả năng quan sát, ghi nhớ, so sánh, phán đoán một số hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với từng độ tuổi. Trẻ chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động văn nghệ. Có một số kỹ năng cơ bản và có khả năng cảm nhận, thể hiện cảm xúc về âm nhạc và tạo hình. Trẻ mạnh dạn, tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân. Đoàn kết với bạn bè, trẻ mạnh dạn trong giao tiếp, lễ phép với người lớn. Xác định được mục tiêu GD, nhà trường luôn làm tốt các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng GD, tạo bầu không khí thân thiện, môi trường hoạt động lành mạnh đầy yêu thương, đảm bảo an toàn tuyệt đối về tâm lý và thể chất cho trẻ, tạo niềm tin cho phụ huynh và uy tín cho nhà trường và cho ngành.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện nhiệm vụ năm học cấp học mầm non, ngay từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động Chương trình GDMN cho 100% các nhóm, lớp đảm bảo theo hướng dẫn thực hiện Quy chế chuyên môn cấp học mầm non theo từng năm học, thời gian thực hiện chương trình. Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch GD năm học thể hiện rõ chủ đề nhánh và chủ đề sự kiện gắn với các ngày lễ hội trong năm để thực hiện. Trên cơ sở kế hoạch của nhà trường giáo viên xây dựng kế hoạch của nhóm, lớp phù hợp với lứa tuổi, điều kiện thực tế của lớp, của trẻ. [H1-1.4-06]; [H1-1.8-01].

Nhà trường thực hiện Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp với quy định Hướng dẫn chuyên môn của Sở GD&ĐT Thành phố Hà Nội và Phòng GD&ĐT quận Hà Đông. Năm học 2024-2025 theo chỉ đạo và hướng dẫn của cấp học, BGH nhà trường cùng tổ chuyên môn xây dựng cuốn chương trình giáo dục riêng của nhà trường, đồng thời chỉ đạo tổ chuyên môn khi xây dựng kế hoạch chuyên môn, kế hoạch chủ đề, kế hoạch các chuyên đề luôn bám sát các văn bản hướng dẫn (Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGD ngày 13/4/2021). Tùy theo từng năm học, tổ chuyên môn xây dựng và phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của nhà trường, phù hợp với đặc điểm của trẻ từng độ tuổi. Năm học 2024-2025 nhà trường tiếp tục thực hiện chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. [H1-1.8-01].

BGH Nhà trường định kỳ hàng tháng rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN của tổ chuyên môn, việc xây dựng kế hoạch hoạt động một ngày của trẻ qua các buổi dự giờ thăm lớp, kiểm tra kế hoạch GD từng tháng của các lớp. Qua đó, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chỉ đạo họp các tổ trưởng chuyên môn và góp ý việc thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, GD trẻ. Triển khai nội dung họp trong việc thực hiện các nội dung GD và chương trình GD trẻ theo từng tháng. Chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm để kịp thời bổ sung, điều chỉnh những nội dung GD trẻ chưa phù hợp với đặc điểm của trẻ. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ theo quy định đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN đối với các thành viên trong tổ, phát huy những mặt tốt, nêu rõ những mặt chưa thực hiện được để có sự điều chỉnh, thống nhất nội dung giảng dạy. [H1-1.4-07]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đúng theo Hướng dẫn của Sở GD&ĐT, Hướng dẫn của Phòng GD&ĐT quận Hà Đông. Tổ chuyên môn triển khai các kế hoạch GD kịp thời, cụ thể, có kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong các buổi họp chuyên môn từ đó nâng cao chất lượng GD trong nhà trường. Xây dựng kế hoạch GD phù hợp với các độ tuổi. Phát triển chương trình GD phù hợp văn hóa địa phương như: Lồng ghép GD về nét đẹp truyền thống trong ngày tết cổ truyền, ngày hội, nét đẹp đặc trưng của địa phương. Trong các ngày lễ hội, tết nguyên đán, tết trung thu, tết hàn thực... giáo viên đều tổ chức các hoạt động hướng dẫn trẻ làm đồ chơi dân gian như: làm đèn lồng, nặn bánh trôi, bánh chay, làm đồ chơi, thiệp chúc mừng... tích cực sưu tầm, hướng dẫn và tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi dân gian, dạy trẻ các bài đồng dao, ca

dao, hò, vè, bài hát dân ca phù hợp với độ tuổi. Tổ chức các hoạt động giao lưu giữa các khối lớp như: kéo co, nhảy bao bố, ném vòng vào cổ chai và các trò chơi vận động, kỹ năng thực hành cuộc sống... Cho trẻ đi thăm vườn rau sạch của Hợp tác xã rau Hòa Bình và cho trẻ 5 tuổi đi trải nghiệm hái táo tại vườn táo của các bác nông dân ở địa phương, cho trẻ dự và cổ vũ các đội bóng đá của các anh chị đoàn viên tại sân bóng An Lạc trước cổng trường [H1-1.8-01].

Mức 3:

Thực hiện Chương trình GDMN theo Hướng dẫn nhiệm vụ năm học, nhà trường đã tham khảo chương trình GD Montessori, Reggio Emilia, Steam để áp dụng trong việc trang trí môi trường lấy trẻ làm trung tâm. Nhà trường đã ứng dụng thiết kế những đồ dùng, đồ chơi, giáo cụ, học liệu dạy học vào trong việc đổi mới phương pháp GD trẻ phù hợp với thực tiễn của nhà trường và đặc điểm riêng của từng độ tuổi. Việc tận dụng các nguyên vật liệu thiên nhiên, tái chế trong tổ chức hoạt động của phương pháp Reggio Emilia đã giúp trẻ phát triển giác quan, gần gũi hơn với thiên nhiên, có kỹ năng bảo vệ môi trường, GV đã lựa chọn nội dung cho trẻ thực hành cuộc sống vào các góc chơi để GD trẻ. 100% các lớp đều có góc thực hành kỹ năng vận động tinh và kỹ năng tự phục vụ cho trẻ. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên chưa mạnh dạn lựa chọn, tiếp cận các phương pháp GD tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới vào hoạt động học tập vui chơi cho trẻ.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất, báo trước, kiểm tra nội bộ theo kế hoạch để đánh giá kết quả việc thực hiện Chương trình GD của các tổ chuyên môn [H1-1.3-08]; [H1-1.4-10]. Nhà trường thực hiện đánh giá, tổng kết kết quả GD trẻ vào cuối mỗi năm học [H1-1.1-04], xây dựng phương hướng nhiệm vụ công tác GD năm học tiếp theo dựa trên những ưu điểm và tồn tại của năm học cũ. Trong phương hướng chỉ rõ được kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ [H1-1.1-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành, phù hợp với điều kiện địa phương, lồng ghép GD trẻ tích hợp trong các hoạt động. Nhà trường chỉ đạo tổ chuyên môn của nhà trường khi xây dựng kế hoạch chuyên môn, kế hoạch chủ đề, kế hoạch chuyên đề theo tháng, năm luôn bám sát các văn bản, Hướng dẫn chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành. Các giáo viên được tập huấn các chuyên đề đổi mới hình thức tổ chức hoạt động, được tập huấn hướng dẫn kỹ năng tự phục vụ, ứng dụng phương pháp Montessori vào lĩnh vực thực hành cuộc sống. Ban giám hiệu đã chỉ đạo các lớp chọn đề tài, nội dung chương trình giáo dục phù hợp với địa phương, thực tiễn của trường đưa vào tổ chức các hoạt động cho trẻ. Hằng năm, nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục. Căn cứ kết quả kiểm tra nội bộ, kết quả đánh giá trẻ theo mục tiêu giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, GD trẻ.

3. Điểm yếu

Một số GV chưa mạnh dạn lựa chọn tiếp cận các chương trình giáo dục tiên tiến để đưa vào hoạt động học tập vui chơi cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
----------	-----------------	-----------	---------------------

Tiếp tục duy trì việc nâng cao chất lượng GD trẻ trong việc thực hiện Chương trình GDMN và nâng cao chất lượng GD trên cơ sở tham khảo Chương trình GD các nước trong khu vực và thế giới phù hợp với đặc thù của nhà trường và địa phương.	BGH và các tổ trưởng chuyên môn.	Năm học 2025-2026 và những năm học tiếp theo.	BGH xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp. Chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch GD căn cứ việc phát triển Chương trình GDMN mà Bộ GD&ĐT ban hành, lựa chọn nội dung nâng cao trên cơ sở sát với điều kiện thực tế của đơn vị, đáp ứng nhu cầu và khả năng của trẻ. Tích cực tìm hiểu, bồi dưỡng ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến của các nước trên Thế giới (Montesstori, Reggio Emilia, Steam) vào đổi mới phương pháp, tổ chức các hoạt động GD nhằm nâng cao chất lượng GD của nhà trường. BGH tạo điều kiện cho đội ngũ GV được tham gia bồi dưỡng, tiếp cận chương trình nước ngoài để ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến của các nước trên thế giới đạt kết quả tốt hơn.
---	----------------------------------	---	--

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện linh hoạt các phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, GD trẻ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung GD đã xây dựng trong kế hoạch phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện của nhà trường. Tổ chức các hoạt động GD trong và ngoài lớp học bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế. Để thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, nhà trường đã chỉ đạo tổ chuyên môn linh hoạt áp dụng phương pháp Montessori, phương pháp đổi mới hình thức trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức vào trong các hoạt động cho trẻ vui chơi và trải nghiệm. Với các hoạt động giảng dạy, GV cho trẻ thực hành, trải nghiệm các hoạt động trong thực tế như: làm cơm cuộn, bỏ hoa quả, xay của quả làm nước uống sinh tố, pha màu, tuốt rau ngót, gấp quần áo, nạo rau củ, bóc trứng, khám phá các sự vật hiện tượng...Chỉ đạo GV các tổ chuyên môn xây dựng các hoạt động cho trẻ đảm bảo từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp để trẻ đạt được các lĩnh vực phát triển theo từng độ tuổi. Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động cho trẻ nhằm đạt mục tiêu đề ra. Thông qua các hoạt động trong ngày của trẻ, GV có thể đánh giá kết quả đạt được trên trẻ từ đó đưa ra những phương pháp, hình thức khác nhau để phù hợp hơn với trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mục tiêu GD của Nhà trường luôn được BGH quan tâm và đầu tư CSVC cho các nhóm, lớp. BGH đã chỉ đạo tổ chuyên môn trang trí môi trường nhóm, lớp theo hướng lấy trẻ làm trung tâm và theo hướng phát huy tính tích cực cho trẻ [H1-1.4-07]. Môi trường trong và ngoài nhà trường được GV trang trí theo hướng mở, nguyên vật liệu mở từ thiên nhiên và tái chế tạo môi trường thân thiện, gần gũi, tận dụng các khoảng không gian ở hành lang, gầm cầu thang... tạo môi trường mở thu hút hứng thú và sự sáng tạo của trẻ [H5-5.2-01]. GV đã sử dụng các đồ dùng, đồ chơi tự tạo như: các bài tập phát triển tư duy, phát triển kỹ năng vận động tinh như: xâu luôn hạt, cài khuy, tết tóc, đan nong mốt, vận nắp chai, đếm và chọn số tương ứng...Mỗi bài tập đều được đưa vào trong các góc phù hợp với trẻ như: góc gia đình: kỹ năng đóng cài khuy bấm, góc học tập: các bài tập tư duy, nhận biết chữ cái, chữ số, xếp các hình..., góc xây dựng: cài quai mũ, cài khuy áo...; góc thực hành cuộc sống: Bóc trứng, rán trứng, làm cơm cuộn, cắm hoa, xay củ quả, pha nước chanh, vắt cam ...

Các hoạt động GD được xây dựng và thực hiện theo lịch trình hoạt động chuyên môn và kế hoạch chuyên đề của các năm học, hoạt động GD được tổ chức với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế như: hoạt động học, hoạt động khám phá trải nghiệm, hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, hoạt động giao lưu các trò chơi vận động, kỹ năng, hoạt động lao động vệ sinh...[H1-1.8-01]. Với các hoạt động cho trẻ làm quen với toán và hoạt động khám phá, GV đã linh hoạt sử dụng các đồ chơi có sẵn để cung cấp kiến thức cho trẻ như làm quen với số lượng trong phạm vi 10, làm quen với các hình, khám phá về cây, hoa, đồ dùng, đồ chơi...trong sân trường. Với các bài hát, bài thơ, câu chuyện, GV đã tổ chức cho trẻ ôn luyện trong các hoạt động chiều, hoạt động ngoài trời, giờ ngủ...[H1-1.8-02]. Tuy nhiên một số GV còn

hạn chế và chưa tích cực trong việc tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ.

Mức 2:

Tổ chức môi trường GD theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, chú trọng thiết kế khung cảnh sư phạm thân thiện, sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, tận dụng diện tích mặt đất các không gian 50% diện tích sân trường là sân cỏ. Thiết kế khu vui chơi, khu thể chất, khu trải nghiệm thực hành cuộc sống, không gian sáng tạo, các phòng chức năng được sử dụng để đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động học phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và phù hợp với điều kiện thực tế [H5-5.2-02].

Mức 3:

Môi trường GD trong và ngoài lớp học của nhà trường được trang trí theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, cho trẻ vui chơi, trải nghiệm, đảm bảo môi trường “chơi mà học, học bằng chơi”. Tùy theo từng độ tuổi, GV các nhóm, lớp đã trang trí môi trường trong và ngoài lớp tạo điều kiện cho trẻ vui chơi trải nghiệm. Các nhóm, lớp trang trí môi trường trong lớp theo hướng mở, phát huy tính tích cực cho trẻ qua các đồ dùng, đồ chơi tự tạo phù hợp với từng độ tuổi. 01 nhóm nhà trẻ, các đồ chơi ở các góc sử dụng các đồ chơi: tìm màu sắc, đóng mở nắp hộp, cài khuy áo, kẹp đồ dùng tương ứng... Các lớp mẫu giáo trang trí môi trường góc vận dụng đồ chơi Montessori cho trẻ thực hành các bài tập tư duy và kỹ năng vận động tinh, kỹ năng thực hành cuộc sống. Nhà trường tận dụng khu vực gầm cầu thang, sảnh, hiên để trang trí đồ chơi tự tạo phát triển tư duy và kỹ năng vận động tinh, trải nghiệm, thực hành các thí nghiệm để trẻ tự tìm tòi, khám phá tính chất của các đồ vật xung quanh. Tuy nhiên việc xây dựng bài tập cho trẻ thực hành, trải nghiệm còn chưa phong phú, giáo viên dạy trẻ một số hoạt động còn mẫu giáo hóa chưa đúng với độ tuổi nhà trẻ.

2. Điểm mạnh

Môi trường GD của nhà trường luôn được BGH quan tâm, đầu tư các khu vui chơi ngoài trời và môi trường lớp học được thiết kế và trang trí theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm. Nhà trường đã chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện linh hoạt các phương pháp GD trong việc tổ chức hoạt động học và hoạt động chơi, các hội thi, ngày hội, ngày lễ ...cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Nội dung các hoạt động thực hành, trải nghiệm phù hợp với nhu cầu và hứng thú của trẻ.

3. Điểm yếu

Một số GV còn hạn chế và chưa tích cực trong việc tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ. Việc xây dựng các bài tập cho trẻ thực hành, trải nghiệm còn chưa phong phú. giáo viên dạy trẻ một số hoạt động còn mẫu giáo hóa chưa đúng với độ tuổi nhà trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Nâng cao chất lượng công tác tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho	BGH, tổ trưởng chuyên môn và GV các nhóm, lớp.	Năm học 2025-2026 và những	BGH phân công tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể ngay đầu năm học. Tăng cường lồng ghép các hoạt động chơi và học đan xen nhau. Tăng cường cho trẻ tham gia trải

đội ngũ cán bộ, GV trong nhà trường trong tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm cho trẻ. Chỉ đạo giáo viên thiết kế các bài tập cho trẻ thực hành.		năm tiếp theo.	nhịệm, khám phá tại các khu vui chơi trong nhà trường. Đưa hình thức thi đua giữa các tổ, khối trong việc xây dựng môi trường học tập lành mạnh, sáng tạo với phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi” để động viên GV tham gia cùng nhau xây dựng môi trường GD. BGH và Hiệu phó phụ trách chuyên môn thường xuyên dự giờ bồi dưỡng cho giáo viên dạy nhà trẻ xác định đúng mục tiêu độ tuổi và yêu cầu cần đạt của lứa tuổi nhà trẻ
---	--	----------------	---

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

- a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;
- b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;
- c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

- a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;
- b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;
- c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đặt mục tiêu, nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe của trẻ lên hàng đầu, luôn quan tâm, theo dõi, đánh giá tình hình sức khỏe của trẻ. Nhà trường có đầy đủ hệ thống sổ sách theo dõi sức khỏe, chất lượng về kết quả chăm sóc, GD hoạt động của trẻ trên lớp. Hằng năm, nhà trường đã phối kết hợp với Trạm y tế phường Yên Nghĩa và Trung tâm y tế quận Hà Đông tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% trẻ 01 lần/01 năm học. 100% trẻ tại các nhóm, lớp được khám sức khỏe và khám sàng lọc các bệnh thường gặp ở trẻ như: răng miệng, tai -mũi-họng, mắt và các bệnh khác [H1-1.1-04]. Hằng năm, nhà trường thực hiện phun thuốc muỗi 02 lần/năm, tổng vệ sinh phòng chống sốt xuất huyết, tay, chân, miệng... bằng CloraminB [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]. Tuy nhiên, trong những đợt khám sức khỏe cho trẻ chưa đạt 100%, phải tổ chức thêm các đợt bổ sung mới có thể khám hết.

Hằng năm, nhà trường thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho trẻ 01 lần/1 năm học. 100% trẻ được cân đo định kỳ 3 lần/1năm học, cân nặng hàng tháng đối với trẻ SDD, thấp còi, cân nặng cao hơn so với tuổi [H1-1.5-02]. Sau khi nhập số liệu vào biểu đồ tăng trưởng trong sổ khám sức khỏe của trẻ, trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Trẻ được quan tâm trong chế độ dinh dưỡng, tập luyện giúp cải thiện tình trạng thể lực. Trong những năm học qua, tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân, trẻ thấp còi, trẻ có cân nặng cao hơn so với độ tuổi giảm từ 3,2% xuống còn 2.3% trên số tổng học sinh toàn trường [H1-1.1-04].

Nhà trường có kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với CMHS, chỉ đạo GV các nhóm, lớp có biện pháp chăm sóc đặc biệt với những trẻ SDD, cân nặng cao hơn so với độ tuổi. Trong giờ ăn, bố trí trẻ ngồi riêng nhóm ngồi gần cô để cô bao quát, động viên, khích lệ trẻ ăn hết suất. Với trẻ thừa cân cô cho trẻ ăn tăng rau, giảm dần lượng cơm đảm bảo sức khỏe cho trẻ. Kết hợp GV tuyên truyền sâu rộng tới các bậc phụ huynh học sinh để phối kết hợp với nhà trường chăm sóc cho trẻ được tốt hơn và đạt hiệu quả. Nhà trường kết hợp với GV tổ chức cân đo, theo dõi sức khỏe cho 100% trẻ cân nặng cao hơn so với độ tuổi và trẻ SDD mỗi tháng một lần nhằm điều chỉnh kịp thời chế độ dinh dưỡng cho trẻ một cách hợp lý [H1-1.5-02]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

Nhà trường đã tổ chức tư vấn, tuyên truyền phổ biến tới CMHS những kiến thức khoa học về nuôi dưỡng CSGD nhằm giúp trẻ phát triển cả về thể chất, tinh thần như: uống Vitamin, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe răng miệng, các biện pháp chăm sóc sức khỏe cho trẻ, đặc biệt là các trẻ SDD, thừa cân béo phì thông qua giờ đón, trả trẻ, qua các buổi họp phụ huynh, qua bảng tuyên truyền của trường, lớp, qua loa phát thanh nhà trường [H1-1.10-10]. Tuy nhiên nhà trường chưa mời được chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMHS để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần.

Nhà trường xây dựng thực đơn cho trẻ theo tuần, đảm bảo chế độ dinh dưỡng theo đúng Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành chương trình GDMN. Thực đơn bổ sung các loại thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao giúp nâng cao chất lượng bữa ăn và phong phú các loại thực phẩm đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng các độ tuổi [H1-1.4-12].

Trong các năm học, nhà trường luôn có kế hoạch chăm sóc trẻ SDD và trẻ có cân nặng cao hơn so với độ tuổi. Đầu năm học, nhà trường đã xây dựng kế hoạch chăm sóc trẻ SDD và trẻ có cân nặng cao hơn so với độ tuổi dựa vào kế hoạch y tế học đường và

tình hình thực tế của nhà trường. 100% trẻ SDD và trẻ có cân nặng cao hơn so với độ tuổi được thực hiện biện pháp để cải thiện tình trạng sức khỏe [H5-5.3-02]. Nhà trường thực hiện cân đo cho 100% trẻ có cân nặng cao hơn so với độ tuổi và trẻ SDD mỗi tháng một lần. Kết quả: cuối mỗi năm học, số trẻ SDD và trẻ có cân nặng cao hơn so với độ tuổi đều có dấu hiệu giảm so với kết quả của đầu năm học. Năm học 2024-2025, tỷ lệ suy dinh dưỡng là 3.2% đến cuối năm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn 1.8%[H1-1.1-04].

Mức 3:

Trong năm học 2024-2025, số trẻ kênh bình thường của nhà trường đạt 96% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường. [H1-1.1-04];

2. Điểm mạnh

Nhà trường đặt mục tiêu, nhiệm vụ CSGD trẻ lên hàng đầu, luôn quan tâm, theo dõi, đánh giá kết quả CSGD trẻ. Nhà trường có kế hoạch phối hợp giữa nhà trường với CMHS, chỉ đạo GV các lớp có biện pháp chăm sóc trẻ SDD, cân nặng cao hơn so với độ tuổi và kế hoạch phòng chống dịch bệnh, phòng chống SDD nên tỷ lệ trẻ SDD, thấp còi và tỷ lệ cao hơn so với độ tuổi thấp.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, trong những đợt khám sức khỏe cho trẻ chưa đạt 100%, nhà trường phải tổ chức khám bổ sung cho trẻ, lý do trẻ đi học không đều.

Chưa mời được chuyên gia chăm sóc sức khỏe trẻ về tư vấn với CMHS để giúp trẻ phát triển thể chất và tinh thần.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Tăng cường công tác phối kết hợp với CMHS cho trẻ đi học đầy đủ. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe trong các đợt khám sức khỏe của nhà trường.	BGH và GV các nhóm lớp.	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.	Tuyên truyền để CMHS cho trẻ đi học đều, đầy đủ. Xây dựng kế hoạch mời chuyên gia về tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, thể chất, tinh thần cho trẻ.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi trẻ và tỷ lệ chuyên cần hằng tháng trẻ của 09 nhóm, lớp. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5-6 tuổi bình quân đạt 96%, trẻ dưới 5 tuổi bình quân đạt 93%. [H1-1.5-02]. Tuy nhiên tỷ lệ chuyên cần không đều ở các tháng giáp tết Nguyên Đán và tháng sau tết, một số trẻ còn đi học muộn hưởng đến các hoạt động.

Theo số liệu điều tra phổ cập trẻ 5 tuổi trên địa bàn, 100% trẻ 5 tuổi theo phân tuyến tuyển sinh của nhà trường được ra lớp và 100% trẻ 5 tuổi của nhà trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được theo dõi đánh giá thường xuyên theo đúng quy định [H5-5.4-01].

Trong các năm học nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Nhà trường luôn chú ý đến các trẻ có hoàn cảnh khó khăn để chỉ đạo giáo viên phối kết hợp hỗ trợ trẻ thực hiện tốt các nội dung GD đề ra [H1-1.5-02].

Mức 2:

Trong những năm học vừa qua tỷ lệ chuyên cần trung bình của nhà trường đạt 94% đối với trẻ 5 tuổi, 92% với trẻ dưới 5 tuổi, từ 82% đến 85% với trẻ nhà trẻ [H1-1.5-02].

Hàng năm, tỷ lệ trẻ 5 tuổi theo tuyến tuyển sinh của nhà trường hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% [H5-5.4-01]. Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02]. Đối với một số trẻ có đặc điểm riêng như chậm nói, nhà trường chỉ đạo GV tích cực trò chuyện với trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tham gia các hoạt động phát triển ngôn ngữ, cơ hội để trẻ được giao lưu với bạn, khuyến khích các trẻ khác chơi, nói chuyện cùng bạn... hoặc với một số trẻ tăng động, giáo viên tư vấn với CMHS cho trẻ học tại trường mầm non kết hợp với giáo dục chuyên biệt. Hàng ngày trong các hoạt động giáo viên bao quát chặt chẽ trẻ và tích cực cho trẻ tham gia hoạt động tĩnh, vận động tĩnh.

Mức 3:

Từ năm 2018 đến nay, trong công tác điều tra phổ cập, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN là 100%. [H5-5.4-01].

Trong các năm học nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-02]. Đối với những trẻ có đặc điểm như tăng động luôn được giáo viên chú ý phối hợp phụ huynh để GD trẻ.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ chuyên cần của trẻ cao, 100% trẻ 5 tuổi của nhà trường được theo dõi, đánh giá thường xuyên theo Bộ chuẩn phát triển, mục tiêu phát triển trẻ 5 tuổi và hoàn thành Chương trình GDMN. Nhà trường không có học sinh khuyết tật học hòa nhập.

3. Điểm yếu

Nhiều trẻ nghỉ vào tháng giáp tết và tháng sau tết nguyên đán do trẻ có quê ở xa nên xin về quê sớm hơn lịch nghỉ tết và sau tết trẻ vẫn ở quê chưa lên

Một số trẻ còn đi học muộn ảnh hưởng đến các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Người thực hiện	Thời gian	Giải pháp thực hiện
Giảm tỷ lệ trẻ nghỉ học vào tháng tết và sau tết Nguyên Đán. Giảm tỷ lệ trẻ đi học muộn	BGH và GV các nhóm, lớp.	Năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo.	Tuyên truyền tới phụ huynh vào cuộc họp đầu năm, trao đổi trực tiếp qua giờ đón trẻ, trả trẻ để phụ huynh cho trẻ đi học đều, đúng giờ để các con tham gia các hoạt động theo kế hoạch giáo dục đảm bảo thời gian.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

BGH nhà trường luôn có kế hoạch chỉ đạo sát sao trong việc CSGD trẻ, đảm bảo cho trẻ phát triển đầy đủ và toàn diện trên các lĩnh vực, yêu cầu của Chương trình GDMN. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, đầu tư CSVC đầy đủ phục vụ cho công tác CSGD và chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Nhà trường thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Chỉ đạo tổ chuyên môn trong nhà trường thực hiện tốt Chương trình GDMN phù hợp với đặc điểm của địa phương và nhu cầu, khả năng của trẻ.

Nhà trường xây dựng kế hoạch GD, tổ chức xây dựng môi trường GD lấy trẻ làm trung tâm trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh, trẻ được phát triển toàn diện theo 5 lĩnh vực phát triển.

Nhà trường đã làm tốt công tác phối hợp với phụ huynh học sinh về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ hằng năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, cân nặng cao hơn so với tuổi giảm đáng kể so với kết quả cân đo đầu năm. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ sổ sách chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Trẻ toàn trường được cân đo, khám sức khỏe định kỳ theo quy định. 100% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp.

100% trẻ 5- 6 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN.

Tuy nhiên, một số GV còn hạn chế về chuyên môn, chưa sáng tạo, chủ động tích cực trong việc tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ, chưa mạnh dạn trong việc đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ. Vì vậy, kết quả một số hoạt động còn chưa cao. Một số ít trẻ vẫn chưa mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, còn nhút nhát, chưa tích cực tham gia các hoạt động, thực hiện các kỹ năng trải nghiệm, thí nghiệm.

Đánh giá:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 04/04 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/04 tiêu chí;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 04/04 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/04 tiêu chí;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 04/04 tiêu chí;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/04 tiêu chí;

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 22/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 88%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 3/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 12%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 11/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 58%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 8/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 42%;

- Mức 4: Không đánh giá.

Căn cứ theo TT19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ kết quả Tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường và nhận thấy trường Mầm non Hòa Bình đạt: Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1; Trường mầm non Hòa Bình không đủ điều kiện công nhận trường MN đạt chuẩn quốc gia.

Hà Đông, ngày tháng 4 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Luyện